

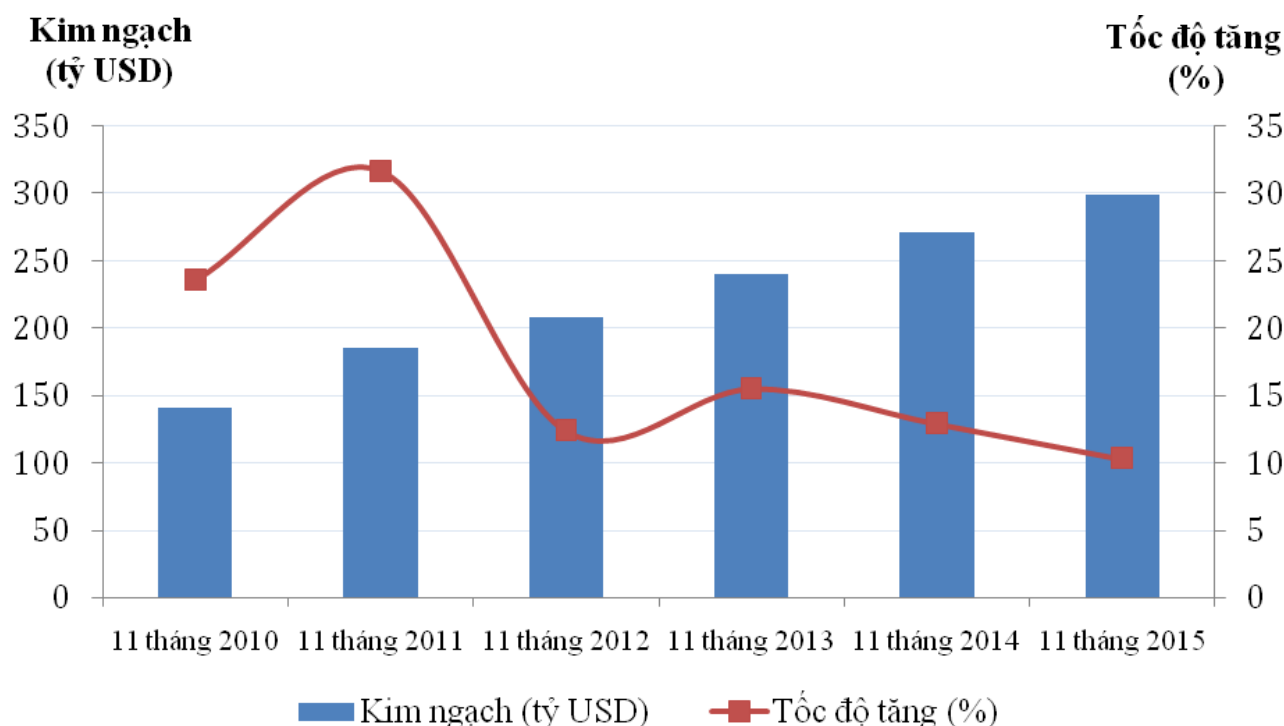
# Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 11 và 11 tháng năm 2015

## 1. Đánh giá chung

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước trong tháng 11/2015 đạt gần 27,52 tỷ USD, giảm 2,1% so với tháng trước; trong đó trị giá xuất khẩu là 13,89 tỷ USD, giảm 2,9% và trị giá nhập khẩu là 13,63 tỷ USD, giảm 1,3%. Trong tháng 11/2015, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 263 triệu USD, là tháng xuất siêu thứ 4 trong năm 2015.

*Trong 11 tháng/2015, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt gần 299,35 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất hàng hóa đạt 148,24 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước và nhập khẩu hàng hóa là 151,11 tỷ USD, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến hết tháng 11/2015, cán cân thương mại hàng hóa thâm hụt 2,87 tỷ USD, tương đương 1,9% tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa của cả nước (ngược lại so với xu hướng thặng dư 3,3 tỷ của 11 tháng/2014).*

**Biểu đồ 1: Tổng kim ngạch và tốc độ tăng xuất nhập khẩu hàng hóa trong 11 tháng tính từ đầu năm, giai đoạn 2010-2015**



- Xét theo khối doanh nghiệp, nhập siêu trong 11 tháng/2015 là từ khối các doanh nghiệp có vốn hoàn toàn trong nước (doanh nghiệp trong nước) với mức thâm hụt 14,91 tỷ USD (xuất khẩu đạt 46,71 tỷ USD, giảm 9,4% và nhập khẩu là 61,6 tỷ USD, tăng 6,8%). - Khối các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong 11 tháng/2015 xuất siêu 12,04 tỷ USD với trị giá xuất khẩu đạt 101,53 tỷ USD, tăng 18,3% và nhập khẩu đạt 89,48 tỷ USD, tăng 17,2%.

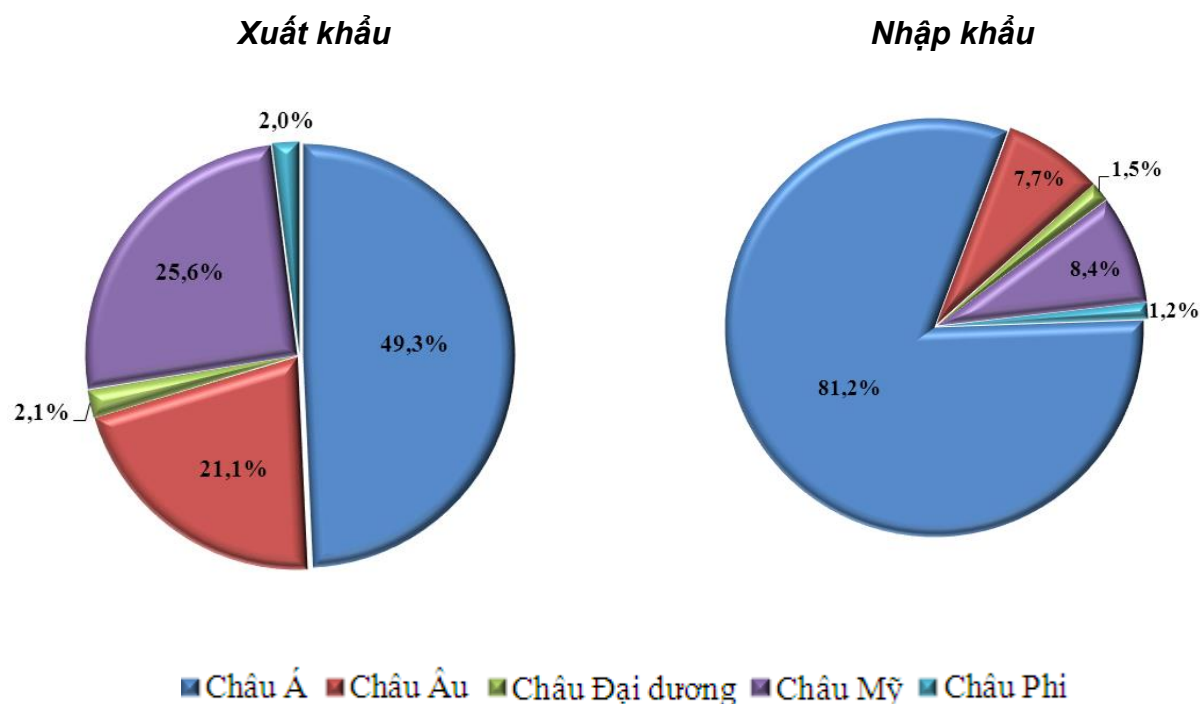
## 2. Thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa

**Kết thúc 11 tháng/2015, trao đổi thương mại hàng hóa của Việt Nam với hầu hết các châu lục đều tăng so với cùng kỳ năm 2014 (trừ Châu Đại Dương), trong đó tăng mạnh nhất ở Châu Mỹ (tăng 19,3%) và Châu Phi (tăng 10,9%).**

Tổng trị giá trao đổi hàng hóa của Việt Nam với châu Á 11 tháng/2015 đạt 195,78 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2014 và là châu lục chiếm tỷ trọng cao nhất (65,4%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước.

Tiếp theo là xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước châu Mỹ đạt kim ngạch 50,55 tỷ USD, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước; với châu Âu đạt 42,85 tỷ USD, tăng 10,5%; châu Đại Dương đạt 5,34 tỷ USD, giảm 16,6%; châu Phi đạt 4,83 tỷ USD, tăng 10,9%.

**Biểu đồ 3: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với các Châu lục 11 tháng/2015**



### 3. Một số mặt hàng xuất khẩu chính

- **Điện thoại các loại & linh kiện:** xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 11 đạt 2,78 tỷ USD, tăng 4,4% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này đạt 28,44 tỷ USD, tăng 29,5% (tương ứng tăng 6,47 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2014.

Những đối tác chính nhập khẩu điện thoại các loại & linh kiện của Việt Nam trong 11 tháng qua là: EU với 9,48 tỷ USD, tăng 19,2% và chiếm 33,3% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là: Tiểu Vương Quốc Ảrập thống nhất: 4,26 tỷ USD, tăng 29,7%; Anh: 1,58 tỷ USD, tăng 51,6%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Hàng dệt may:** kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may trong 11 tháng/2015 đã vượt mốc 20 tỷ USD.

Xuất khẩu trong tháng đạt 1,71 tỷ USD, giảm 13,7% so với tháng trước (chủ yếu vì lý do thời vụ), qua đó nâng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 20,63 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2014 (tương ứng tăng 1,69 tỷ USD).

Trong 11 tháng qua, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ đạt 9,88 tỷ USD, tăng 11,7%; sang EU đạt 3,09 tỷ USD, tăng 3,5%; sang Nhật Bản đạt 2,53 tỷ USD, tăng 6,2% và sang Hàn Quốc đạt 1,98 tỷ USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước.

- **Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** kim ngạch xuất khẩu trong tháng 11/2015 là 1,51 tỷ USD, tăng 2,6% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, trị giá xuất khẩu nhóm hàng này đạt 14,31 tỷ USD, tăng 38,2%, trong đó, xuất khẩu sang EU đạt 2,9 tỷ USD, tăng 36,19%, sang Hoa Kỳ: 2,65 tỷ USD, tăng 35,12%; Trung Quốc: 2,38 tỷ USD, tăng 21,49%; Hồng Kông: 1,57 tỷ USD, tăng 95,23%... so với cùng kỳ năm trước.

- **Giày dép các loại:** kim ngạch xuất khẩu trong tháng đạt 1,1 tỷ USD, tăng 15,1% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, xuất khẩu nhóm hàng giày dép đạt 10,8 tỷ USD, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 3,67 tỷ USD, tăng 23,85% và chiếm 33,96% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước; tiếp theo là xuất khẩu sang thị trường EU đạt 3,63 tỷ USD, tăng 12,3%; sang Trung Quốc đạt gần 694 triệu USD, tăng 47,8%; sang Bỉ đạt gần 644 triệu USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** trong tháng 11/2015, xuất khẩu đạt gần 769 triệu USD giảm nhẹ 0,7% so với tháng trước, đưa tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 7,41 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, xuất khẩu nhóm hàng này sang Hoa Kỳ đạt gần 1,5 tỷ USD, tăng 28,71%; sang Nhật Bản: 1,28 tỷ USD, giảm 2,5%; sang Trung Quốc đạt gần 660 triệu USD, tăng 22,16% so với cùng kỳ năm trước.

- **Gỗ & sản phẩm gỗ:** xuất khẩu trong tháng đạt 598 triệu USD, giảm 5,8% so với tháng trước, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng/2015 lên 6,14 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, nhóm hàng gỗ & sản phẩm gỗ xuất sang Hoa Kỳ đạt 2,38 tỷ USD, tăng 17,8%; sang Nhật Bản gần 928 triệu USD tăng 6,97%; sang Trung Quốc là 831 triệu USD tăng 2,03% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Hàng thủy sản:** xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng đạt 601 triệu USD, giảm 11,1% so với tháng trước, qua đó nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng lên 6 tỷ USD, giảm 16,6% (tương ứng giảm gần 1,2 tỷ USD về số tuyệt đối) so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các thị trường chính trong 11 tháng/2015 đều suy giảm là: sang Hoa Kỳ đạt 1,2 tỷ USD, giảm 23,8%; sang EU đạt 1,06 tỷ USD, giảm 17,2%; sang Nhật Bản đạt 946 triệu USD, giảm 13,9%.

- **Dầu thô:** trong tháng lượng xuất khẩu là 668 nghìn tấn, giảm 12,3%, trị giá là 221 triệu USD, giảm 20% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng dầu thô xuất khẩu của cả nước đạt 8,35 triệu tấn, giảm 1,2% và kim ngạch đạt 3,48 tỷ USD, giảm 49% so với cùng kỳ năm trước.

Dầu thô của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang Trung Quốc: 1,76 triệu tấn, tăng 20,24%, sang Singapo: 1,2 triệu tấn, tăng 2 lần; sang Nhật Bản: 1,4 triệu tấn, giảm 17,2%; sang Malaixia: 1,36 triệu tấn, tăng 34,24% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Túi xách, ví, va li, mũ và ô dù:** trong tháng xuất khẩu mặt hàng này đạt 220 triệu USD, giảm 3,5% so với tháng trước, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 2,6 tỷ USD, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hoa Kỳ là đối tác chính nhập khẩu túi xách, ví, vali mũ và ô dù của Việt Nam trong 11 tháng/2015 với gần 1,1 tỷ USD, tăng 14,93% so với 11 tháng/2014, tiếp theo là EU với trị giá 675 triệu USD, tăng 12,24%; Nhật Bản là 281 triệu USD, tăng 11,1% .

- **Gạo:** xuất khẩu tháng 11/2015 đạt 711,6 nghìn tấn với trị giá đạt hơn 300 triệu USD, giảm 17,2% về lượng và 14,2% về trị giá so với tháng trước, Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu gạo của cả nước là 6,07 triệu tấn, giảm nhẹ 0,7% và trị giá đạt 2,58 tỷ USD, giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 tháng năm 2015, Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam với 2,02 triệu tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 33,4% tổng lượng xuất khẩu gạo của cả nước. Xuất khẩu gạo sang Philipin giảm 20% về lượng, đạt 1,05 triệu tấn; tiếp theo là Malaixia: 501 nghìn tấn, tăng 10,6%; Indônexia: 461 nghìn tấn, tăng 47,86%.

- **Xơ, sợi dệt các loại:** xuất khẩu mặt hàng này của cả nước trong tháng đạt hơn 80 nghìn tấn với trị giá đạt 205 triệu USD, tăng 0,9% về lượng giảm 1,3% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu nhóm hàng này đạt hơn 876 nghìn tấn, tăng 12,2% và trị giá đạt 2,32 tỷ USD, giảm nhẹ 0,1% so với cùng kỳ năm trước

Trong 11 tháng/2015, nhóm hàng xơ sợi dệt các loại xuất khẩu sang Trung Quốc đạt hơn 453 nghìn tấn tăng 27,8%; sang Hàn Quốc đạt 68 nghìn tấn, tăng 9,4%, sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 85,44 nghìn tấn, giảm 15,5% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Cà phê:** lượng cà phê xuất khẩu trong tháng 11/2015 là 96,16 nghìn tấn, trị giá đạt 181,5 triệu USD, tăng 8% về lượng và tăng 6,2% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng cà phê xuất khẩu của nước ta đạt 1,15 triệu tấn với trị giá 2,32 tỷ USD, giảm 27% về lượng và giảm 29,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2014.

- **Than đá:** lượng xuất khẩu than đá trong 11 tháng qua giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do suy giảm ở thị trường Trung Quốc

Xuất khẩu than đá của Việt Nam trong tháng là 93 nghìn tấn, giảm 13,7% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu than đá của cả nước là 1,68 triệu tấn, giảm 74,7%, với trị giá là 178 triệu USD, giảm 64,5% so với cùng kỳ năm trước.

Nếu như các năm trước, Trung Quốc luôn là đối tác lớn nhất nhập khẩu than đá của Việt Nam thì tính đến hết tháng 11 năm 2015 Nhật Bản trở thành đối tác hàng đầu của nước ta với lượng nhập khẩu đạt 630 nghìn tấn, giảm 23,3% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là Hàn Quốc đạt 262 nghìn tấn, giảm 76%.

#### **4. Một số mặt hàng nhập khẩu chính**

- **Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** trị giá nhập khẩu 11 tháng/2015 từ Hàn Quốc tăng mạnh (64,8%) so với cùng kỳ năm trước.

Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,2 tỷ USD, tăng 1,6% so với tháng trước, nâng trị giá nhập khẩu trong 11 tháng/2015 lên 25,11 tỷ USD, tăng mạnh 24,7% so với 11 tháng/2014. Khối doanh nghiệp FDI nhập khẩu 15,67 tỷ USD, tăng 28,9% trong khi khối doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 9,44 tỷ USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam trong 11 tháng qua với trị giá là 8,17 tỷ USD, tăng 15,7%; tiếp theo là các thị trường: Hàn Quốc: 4,68 tỷ USD, tăng mạnh 64,8%; Nhật Bản: 4,18 tỷ USD, tăng 26,6%; Đài Loan: 1,33 tỷ USD, tăng 4,1%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,04 tỷ USD, tăng 1,4% so với tháng trước. Tính trong 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 21,37 tỷ USD, tăng 26,3%; trong đó nhập khẩu của khu vực FDI là 19,64 tỷ USD, tăng 27,5% và nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước là 1,74 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hàn Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam với trị giá nhập khẩu là 6,28 tỷ USD, tăng 35%; tiếp theo là các thị trường: Trung Quốc: 4,78 tỷ USD, tăng 15,2%; Nhật Bản: 2,1 tỷ USD, tăng 23,8%; Đài Loan: hơn 2 tỷ USD, tăng mạnh 59,3%; Singapo: 1,7 tỷ USD, giảm 22%;... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Nhóm hàng nguyên, phụ liệu dệt may, da, giày:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 1,52 tỷ USD, giảm 4,1% so với tháng trước. Tính đến hết 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 16,82 tỷ USD nhóm hàng này, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, trị giá vải nhập khẩu là 9,28 tỷ USD, tăng 7,9%; nguyên phụ liệu: 4,63 tỷ USD, tăng 7,8%; bông là 1,52 tỷ USD, tăng 13,7% và xơ sợi: 1,39 tỷ USD, giảm 2,3%.

Trong 11 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu nhóm mặt hàng này chủ yếu từ Trung Quốc với 6,98 tỷ USD, tăng 12,9%; tiếp theo là Hàn Quốc: 2,57 tỷ USD, giảm 1%; Đài Loan: 2,15 tỷ USD, tăng 3,5%... so với cùng kỳ năm trước.

- **Điện thoại các loại và linh kiện:** kim ngạch nhập khẩu trong tháng đạt 830 triệu USD giảm 15,2% so với tháng trước, đưa kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 11 tháng/2015 đạt mốc gần 10 tỷ USD, tăng 28,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Việt Nam nhập khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 chủ yếu từ các thị trường: Trung Quốc đạt 6,45 tỷ USD, tăng 11,46%; Hàn Quốc đạt 2,86 tỷ USD, tăng 79,45%...so với cùng kỳ năm 2014.

- **Sắt thép các loại:** lượng nhập khẩu trong tháng 11 ở mức 1,24 triệu tấn giảm 16,1%, với trị giá hơn 523 triệu USD giảm 9,2% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng sắt thép cả nước nhập về là 13,85 triệu tấn, tăng 33% nhưng đơn giá bình quân chỉ đạt 490USD/tấn - mức thấp nhất trong vòng 8 năm qua, giảm 26% nên trị giá là 6,79 tỷ USD, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2014.

Sắt thép các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua từ Trung Quốc là 8,44 triệu tấn, tăng mạnh 58,3% và chiếm 61% tổng lượng sắt thép cả nước nhập về; Nhật Bản: 2,29 triệu tấn, tăng 10,5%; Hàn Quốc: 1,62 triệu tấn, tăng 22,7%; Đài Loan: 1,07 triệu tấn, tăng 3,9%... so với 11 tháng/2014.

- **Sản phẩm từ sắt thép:** trong tháng 11/2015, cả nước nhập khẩu hơn 271 triệu USD, giảm 1,8% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước là 3,53 tỷ USD, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong 11 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này từ Trung Quốc với trị giá đạt 1,23 tỷ USD, tăng 32,6%; từ Hàn Quốc là hơn 968 triệu USD tăng 54,65% so với cùng kỳ năm trước,...

- **Chất dẻo nguyên liệu:** lượng nhập khẩu trong tháng 11/2015 là gần 367 nghìn tấn, trị giá đạt 515 triệu USD. Tính đến hết tháng 10/2015, tổng lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam là 3,52 triệu tấn, tăng 12,2%, kim ngạch nhập khẩu là 5,4 tỷ USD, giảm 6,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 tháng/ 2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này chủ yếu từ các thị trường: Hàn Quốc đạt 663 nghìn tấn, tăng 13,6%; Ả rập Xê út đạt 702 nghìn tấn, tăng 1,55%; Đài Loan đạt 525 nghìn tấn tăng 15,1%; Thái Lan đạt hơn 352 nghìn tấn, tăng 23,7%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Sản phẩm chất dẻo:** trong tháng 11/2015 sản phẩm từ chất dẻo nhập khẩu ở mức 321 triệu USD giảm 2,7% so với tháng trước. Nhập khẩu mặt hàng này đến trong 11 tháng/2015 đạt gần 3,43 tỷ USD tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước.

Việt Nam nhập khẩu mặt hàng sản phẩm chất dẻo từ Hàn Quốc trong 11 tháng/2015 là 1,04 tỷ USD, tăng 32,3 % so với cùng kỳ năm 2014; Trung Quốc là hơn 992 triệu USD, tăng 35,8%; Nhật Bản là hơn 572 triệu USD tăng nhẹ 1,14%,...

- **Xăng dầu các loại:** tháng 11/2015, đơn giá nhập khẩu bình quân nhóm hàng này đạt 454 USD/tấn - mức thấp nhất gần 7 năm qua, giảm 3,8% so với tháng trước. Lượng nhập khẩu là 958 nghìn tấn, cũng suy giảm 3,3% nên trị giá nhập khẩu nhóm hàng này là 449 triệu USD, giảm 7% so với tháng trước.

Tính đến hết 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 9,04 triệu tấn với trị giá là 4,92 tỷ USD, tăng 16,6% về lượng và giảm 30,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này giảm 2,17 tỷ USD; trong đó do giá giảm lên tới 3,35 tỷ USD.

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Singapo với 3,45 triệu tấn, tăng 41%; đặc biệt nhập khẩu từ Thái Lan với 2,03 triệu tấn, tăng 186%; Trung Quốc: 1,46 triệu tấn, giảm 6,1%; Đài Loan: 779 nghìn tấn, giảm 33%...so với cùng kỳ năm 2014.

- **Thức ăn gia súc và nguyên liệu:** trong tháng 11/2015, kim ngạch nhập khẩu đạt 234 triệu USD, nâng tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 11 tháng đầu năm đạt 3,05 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2014.

**Tính đến hết tháng 11/2015, nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu từ Ác-hen-tina đạt 1,3 tỷ USD, tăng 8,14%; từ Hoa Kỳ là hơn 400 triệu USD, tăng 6,9%; từ Braxin là hơn 256 triệu USD, tăng 21% so với cùng kỳ 2014. Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 11 và 11 tháng năm 2015**

Thông kê Hải quan 17/12/2015 4:00 PM

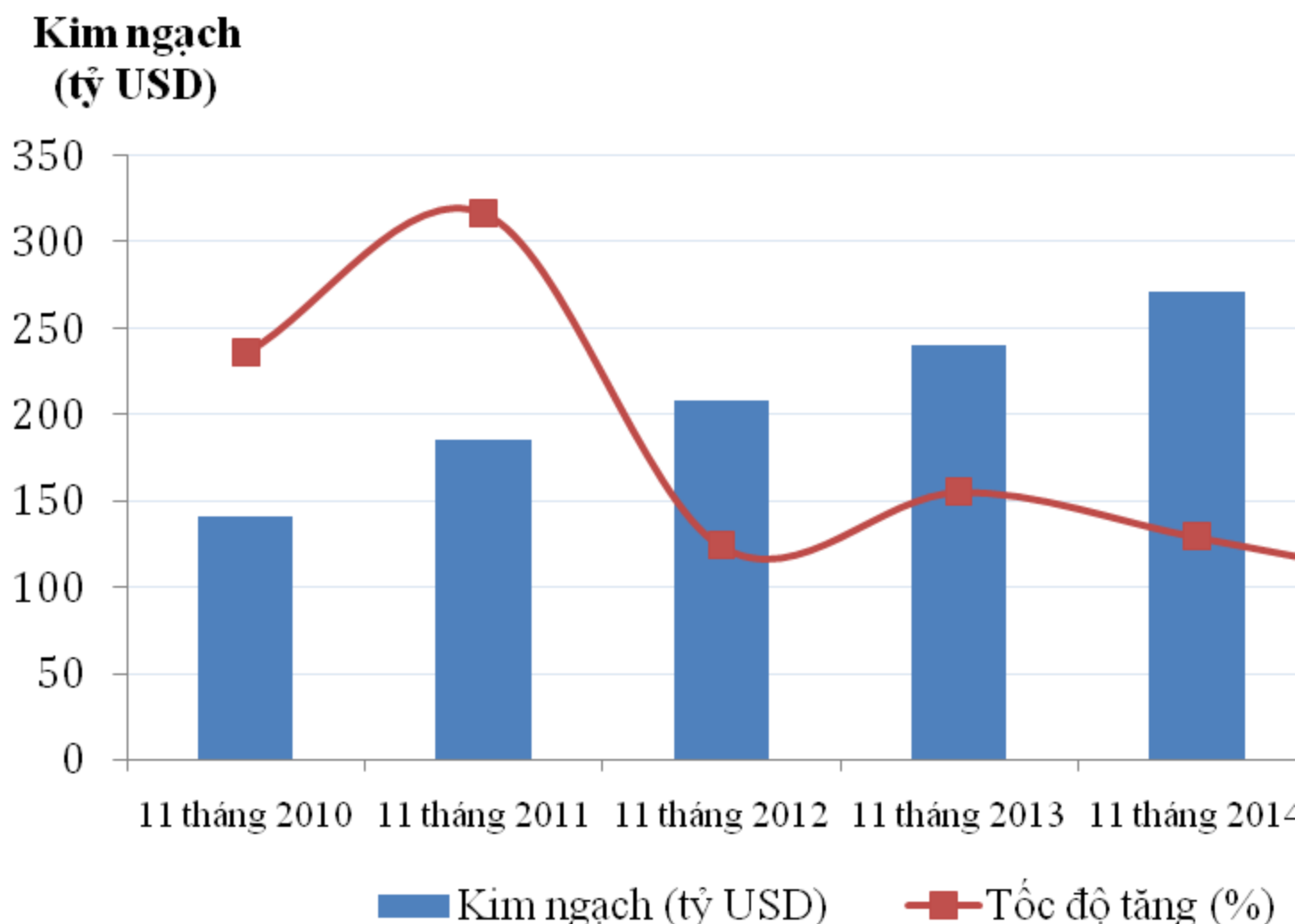
## **1. Đánh giá chung**

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước trong tháng 11/2015 đạt gần 27,52 tỷ USD, giảm 2,1% so với tháng trước; trong đó trị giá xuất khẩu là 13,89 tỷ USD, giảm 2,9% và trị giá nhập khẩu là 13,63 tỷ USD, giảm 1,3%. Trong tháng 11/2015, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 263 triệu USD, là tháng xuất siêu thứ 4 trong năm 2015.

**Trong 11 tháng/2015, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt gần 299,35 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước,** trong đó xuất hàng hóa đạt 148,24 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước và nhập khẩu hàng hóa là 151,11 tỷ USD, tăng 12,7%

so với cùng kỳ năm trước. Tính đến hết tháng 11/2015, cán cân thương mại hàng hóa thâm hụt 2,87 tỷ USD, tương đương 1,9% tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa của cả nước (ngược lại so với xu hướng thặng dư 3,3 tỷ của 11 tháng/2014).

**Biểu đồ 1: Tổng kim ngạch và tốc độ tăng xuất nhập khẩu hàng hóa trong 11 tháng tính từ đầu năm, giai đoạn 2010-2015**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

- Xét theo khối doanh nghiệp, nhập siêu trong 11 tháng/2015 là từ khối các doanh nghiệp có vốn hoàn toàn trong nước (doanh nghiệp trong nước) với mức thâm hụt 14,91 tỷ USD (xuất khẩu đạt 46,71 tỷ USD, giảm 9,4% và nhập khẩu là 61,6 tỷ USD, tăng 6,8%).

- Khối các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong 11 tháng/2015 xuất siêu 12,04 tỷ USD với trị giá xuất khẩu đạt 101,53 tỷ USD, tăng 18,3% và nhập khẩu đạt 89,48 tỷ USD, tăng 17,2%.

## **2. Thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa**

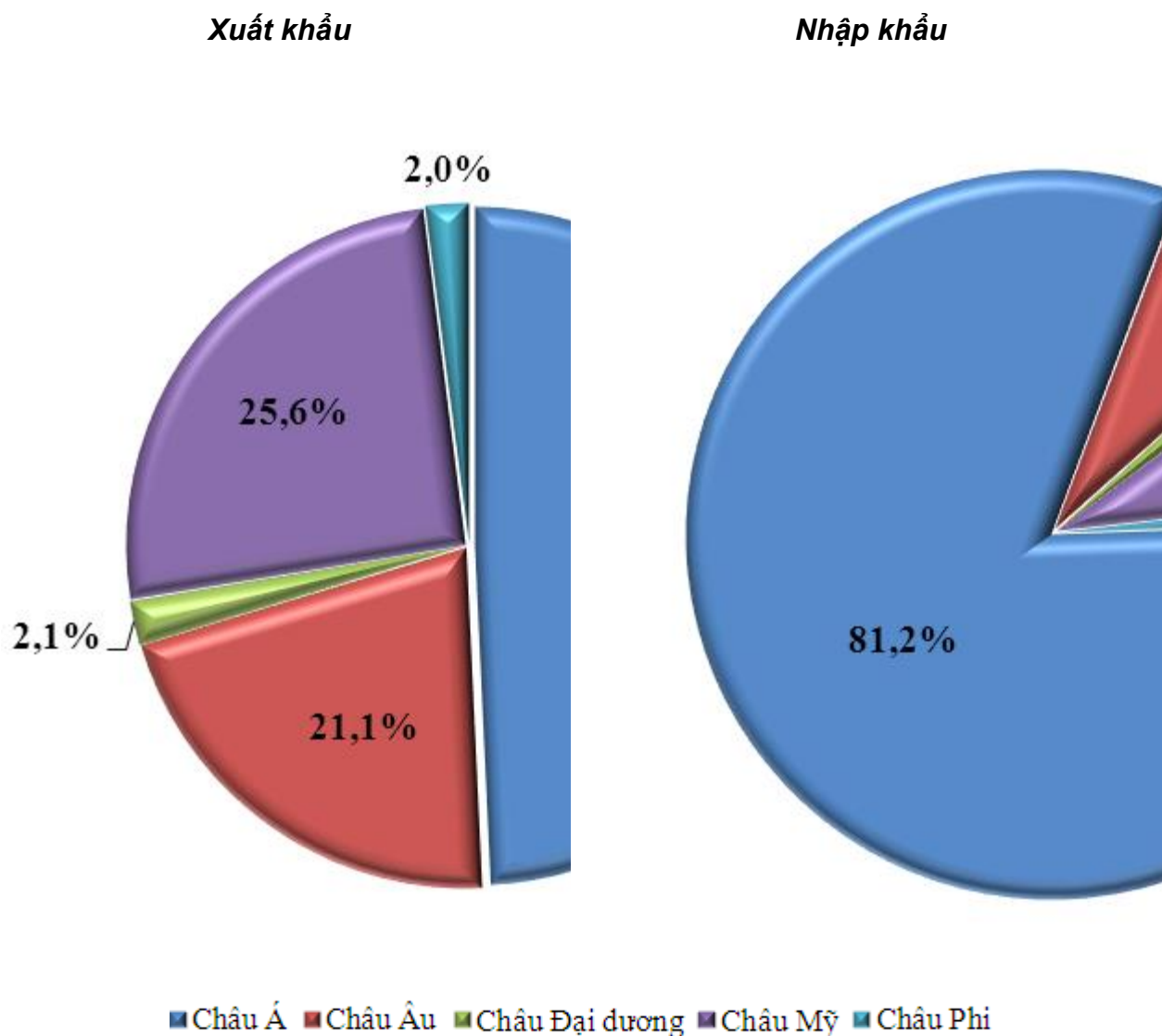


**Kết thúc 11 tháng/2015, trao đổi thương mại hàng hóa của Việt Nam với hầu hết các châu lục đều tăng so với cùng kỳ năm 2014 (trừ Châu Đại Dương), trong đó tăng mạnh nhất ở Châu Mỹ (tăng 19,3%) và Châu Phi (tăng 10,9%).**

Tổng trị giá trao đổi hàng hóa của Việt Nam với châu Á 11 tháng/2015 đạt 195,78 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2014 và là châu lục chiếm tỷ trọng cao nhất (65,4%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước.

Tiếp theo là xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước châu Mỹ đạt kim ngạch 50,55 tỷ USD, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước; với châu Âu đạt 42,85 tỷ USD, tăng 10,5%; châu Đại Dương đạt 5,34 tỷ USD, giảm 16,6%; châu Phi đạt 4,83 tỷ USD, tăng 10,9%.

**Biểu đồ 3: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với các Châu lục 11 tháng/2015**



### **3. Một số mặt hàng xuất khẩu chính**

- **Điện thoại các loại & linh kiện:** xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 11 đạt 2,78 tỷ USD, tăng 4,4% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này đạt 28,44 tỷ USD, tăng 29,5% (tương ứng tăng 6,47 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2014.

Những đối tác chính nhập khẩu điện thoại các loại & linh kiện của Việt Nam trong 11 tháng qua là: EU với 9,48 tỷ USD, tăng 19,2% và chiếm 33,3% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là: Tiểu Vương Quốc Ảrập thống nhất: 4,26 tỷ USD, tăng 29,7%; Anh: 1,58 tỷ USD, tăng 51,6%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Hàng dệt may:** kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may trong 11 tháng/2015 đã vượt mốc 20 tỷ USD.

Xuất khẩu trong tháng đạt 1,71 tỷ USD, giảm 13,7% so với tháng trước (chủ yếu vì lý do thời vụ), qua đó nâng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 20,63 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2014 (tương ứng tăng 1,69 tỷ USD).

Trong 11 tháng qua, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ đạt 9,88 tỷ USD, tăng 11,7%; sang EU đạt 3,09 tỷ USD, tăng 3,5%; sang Nhật Bản đạt 2,53 tỷ USD, tăng 6,2% và sang Hàn Quốc đạt 1,98 tỷ USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước.

- **Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** kim ngạch xuất khẩu trong tháng 11/2015 là 1,51 tỷ USD, tăng 2,6% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, trị giá xuất khẩu nhóm hàng này đạt 14,31 tỷ USD, tăng 38,2%, trong đó, xuất khẩu sang EU đạt 2,9 tỷ USD, tăng 36,19%, sang Hoa Kỳ: 2,65 tỷ USD, tăng 35,12%; Trung Quốc: 2,38 tỷ USD, tăng 21,49%; Hồng Kông: 1,57 tỷ USD, tăng 95,23%... so với cùng kỳ năm trước.

- **Giày dép các loại:** kim ngạch xuất khẩu trong tháng đạt 1,1 tỷ USD, tăng 15,1% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, xuất khẩu nhóm hàng giày dép đạt 10,8 tỷ USD, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 3,67 tỷ USD, tăng 23,85% và chiếm 33,96% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước; tiếp theo là xuất khẩu sang thị trường EU đạt 3,63 tỷ USD, tăng 12,3%; sang Trung Quốc đạt gần 694 triệu USD, tăng 47,8%; sang Bỉ đạt gần 644 triệu USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** trong tháng 11/2015, xuất khẩu đạt gần 769 triệu USD giảm nhẹ 0,7% so với tháng trước, đưa tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 7,41 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, xuất khẩu nhóm hàng này sang Hoa Kỳ đạt gần 1,5 tỷ USD, tăng 28,71%; sang Nhật Bản: 1,28 tỷ USD, giảm 2,5%; sang Trung Quốc đạt gần 660 triệu USD, tăng 22,16% so với cùng kỳ năm trước.

- **Gỗ & sản phẩm gỗ:** xuất khẩu trong tháng đạt 598 triệu USD, giảm 5,8% so với tháng trước, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng/2015 lên 6,14 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, nhóm hàng gỗ & sản phẩm gỗ xuất sang Hoa Kỳ đạt 2,38 tỷ USD, tăng 17,8%; sang Nhật Bản gần 928 triệu USD tăng 6,97%; sang Trung Quốc là 831 triệu USD tăng 2,03% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Hàng thủy sản:** xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng đạt 601 triệu USD, giảm 11,1% so với tháng trước, qua đó nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng lên 6 tỷ USD, giảm 16,6% (tương ứng giảm gần 1,2 tỷ USD về số tuyệt đối) so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các thị trường chính trong 11 tháng/2015 đều suy giảm là: sang Hoa Kỳ đạt 1,2 tỷ USD, giảm 23,8%; sang EU đạt 1,06 tỷ USD, giảm 17,2%; sang Nhật Bản đạt 946 triệu USD, giảm 13,9%.

- **Dầu thô:** trong tháng lượng xuất khẩu là 668 nghìn tấn, giảm 12,3%, trị giá là 221 triệu USD, giảm 20% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng dầu thô xuất khẩu của cả nước đạt 8,35 triệu tấn, giảm 1,2% và kim ngạch đạt 3,48 tỷ USD, giảm 49% so với cùng kỳ năm trước.

Dầu thô của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang Trung Quốc: 1,76 triệu tấn, tăng 20,24%, sang Singapo: 1,2 triệu tấn, tăng 2 lần; sang Nhật Bản: 1,4 triệu tấn, giảm 17,2%; sang Malaixia: 1,36 triệu tấn, tăng 34,24% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Túi xách, ví, va li, mũ và ô dù:** trong tháng xuất khẩu mặt hàng này đạt 220 triệu USD, giảm 3,5% so với tháng trước, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 2,6 tỷ USD, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hoa Kỳ là đối tác chính nhập khẩu túi xách, ví, vali mũ và ô dù của Việt Nam trong 11 tháng/2015 với gần 1,1 tỷ USD, tăng 14,93% so với 11 tháng/2014, tiếp theo là EU với trị giá 675 triệu USD, tăng 12,24%; Nhật Bản là 281 triệu USD, tăng 11,1% .

- **Gạo:** xuất khẩu tháng 11/2015 đạt 711,6 nghìn tấn với trị giá đạt hơn 300 triệu USD, giảm 17,2% về lượng và 14,2% về trị giá so với tháng trước, Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu gạo của cả nước là 6,07 triệu tấn, giảm nhẹ 0,7% và trị giá đạt 2,58 tỷ USD, giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 tháng năm 2015, Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam với 2,02 triệu tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 33,4% tổng lượng xuất khẩu gạo của cả nước. Xuất khẩu gạo sang Philipin giảm 20% về lượng, đạt 1,05 triệu tấn; tiếp theo là Malaixia: 501 nghìn tấn, tăng 10,6%; Indônexia: 461 nghìn tấn, tăng 47,86%.

- **Xơ, sợi dệt các loại:** xuất khẩu mặt hàng này của cả nước trong tháng đạt hơn 80 nghìn tấn với trị giá đạt 205 triệu USD, tăng 0,9% về lượng giảm 1,3% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu nhóm hàng này đạt hơn 876 nghìn tấn, tăng 12,2% và trị giá đạt 2,32 tỷ USD, giảm nhẹ 0,1% so với cùng kỳ năm trước

Trong 11 tháng/2015, nhóm hàng xơ sợi dệt các loại xuất khẩu sang Trung Quốc đạt hơn 453 nghìn tấn tăng 27,8%; sang Hàn Quốc đạt 68 nghìn tấn, tăng 9,4%, sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 85,44 nghìn tấn, giảm 15,5% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Cà phê:** lượng cà phê xuất khẩu trong tháng 11/2015 là 96,16 nghìn tấn, trị giá đạt 181,5 triệu USD, tăng 8% về lượng và tăng 6,2% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng cà phê xuất khẩu của nước ta đạt 1,15 triệu tấn với trị giá 2,32 tỷ USD, giảm 27% về lượng và giảm 29,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2014.

- **Than đá:** lượng xuất khẩu than đá trong 11 tháng qua giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do suy giảm ở thị trường Trung Quốc

Xuất khẩu than đá của Việt Nam trong tháng là 93 nghìn tấn, giảm 13,7% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu than đá của cả nước là 1,68 triệu tấn, giảm 74,7%, với trị giá là 178 triệu USD, giảm 64,5% so với cùng kỳ năm trước.

Nếu như các năm trước, Trung Quốc luôn là đối tác lớn nhất nhập khẩu than đá của Việt Nam thì tính đến hết tháng 11 năm 2015 Nhật Bản trở thành đối tác hàng đầu của nước ta với lượng nhập khẩu đạt 630 nghìn tấn, giảm 23,3% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là Hàn Quốc đạt 262 nghìn tấn, giảm 76%.

#### **4. Một số mặt hàng nhập khẩu chính**

- **Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** trị giá nhập khẩu 11 tháng/2015 từ Hàn Quốc tăng mạnh (64,8%) so với cùng kỳ năm trước.

Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,2 tỷ USD, tăng 1,6% so với tháng trước, nâng trị giá nhập khẩu trong 11 tháng/2015 lên 25,11 tỷ USD, tăng mạnh 24,7% so với 11 tháng/2014. Khối doanh nghiệp FDI nhập khẩu 15,67 tỷ USD, tăng 28,9% trong khi khối doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 9,44 tỷ USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam trong 11 tháng qua với trị giá là 8,17 tỷ USD, tăng 15,7%; tiếp theo là các thị trường: Hàn Quốc: 4,68 tỷ USD, tăng mạnh 64,8%; Nhật Bản: 4,18 tỷ USD, tăng 26,6%; Đài Loan: 1,33 tỷ USD, tăng 4,1%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,04 tỷ USD, tăng 1,4% so với tháng trước. Tính trong 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 21,37 tỷ USD, tăng 26,3%; trong đó nhập khẩu của khu vực FDI là 19,64 tỷ USD, tăng 27,5% và nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước là 1,74 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hàn Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam với trị giá nhập khẩu là 6,28 tỷ USD, tăng 35%; tiếp theo là các thị trường: Trung Quốc: 4,78 tỷ USD, tăng 15,2%; Nhật Bản: 2,1 tỷ USD, tăng 23,8%; Đài Loan: hơn 2 tỷ USD, tăng mạnh 59,3%; Singapo: 1,7 tỷ USD, giảm 22%;... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Nhóm hàng nguyên, phụ liệu dệt may, da, giày:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 1,52 tỷ USD, giảm 4,1% so với tháng trước. Tính đến hết 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 16,82 tỷ USD nhóm hàng này, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, trị giá vải nhập khẩu là 9,28 tỷ USD, tăng 7,9%; nguyên phụ liệu: 4,63 tỷ USD, tăng 7,8%; bông là 1,52 tỷ USD, tăng 13,7% và xơ sợi: 1,39 tỷ USD, giảm 2,3%.

Trong 11 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu nhóm mặt hàng này chủ yếu từ Trung Quốc với 6,98 tỷ USD, tăng 12,9%; tiếp theo là Hàn Quốc: 2,57 tỷ USD, giảm 1%; Đài Loan: 2,15 tỷ USD, tăng 3,5%... so với cùng kỳ năm trước.

- **Điện thoại các loại và linh kiện:** kim ngạch nhập khẩu trong tháng đạt 830 triệu USD giảm 15,2% so với tháng trước, đưa kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 11 tháng/2015 đạt mốc gần 10 tỷ USD, tăng 28,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Việt Nam nhập khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 chủ yếu từ các thị trường: Trung Quốc đạt 6,45 tỷ USD, tăng 11,46%; Hàn Quốc đạt 2,86 tỷ USD, tăng 79,45%...so với cùng kỳ năm 2014.

- **Sắt thép các loại:** lượng nhập khẩu trong tháng 11 ở mức 1,24 triệu tấn giảm 16,1%, với trị giá hơn 523 triệu USD giảm 9,2% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng sắt thép cả nước nhập về là 13,85 triệu tấn, tăng 33% nhưng đơn giá bình quân chỉ đạt 490USD/tấn - mức thấp nhất trong vòng 8 năm qua, giảm 26% nên trị giá là 6,79 tỷ USD, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2014.

Sắt thép các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua từ Trung Quốc là 8,44 triệu tấn, tăng mạnh 58,3% và chiếm 61% tổng lượng sắt thép cả nước nhập về; Nhật Bản: 2,29 triệu tấn, tăng 10,5%; Hàn Quốc: 1,62 triệu tấn, tăng 22,7%; Đài Loan: 1,07 triệu tấn, tăng 3,9%... so với 11 tháng/2014.

- **Sản phẩm từ sắt thép:** trong tháng 11/2015, cả nước nhập khẩu hơn 271 triệu USD, giảm 1,8% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước là 3,53 tỷ USD, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong 11 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này từ Trung Quốc với trị giá đạt 1,23 tỷ USD, tăng 32,6%; từ Hàn Quốc là hơn 968 triệu USD tăng 54,65% so với cùng kỳ năm trước,...

- **Chất dẻo nguyên liệu:** lượng nhập khẩu trong tháng 11/2015 là gần 367 nghìn tấn, trị giá đạt 515 triệu USD. Tính đến hết tháng 10/2015, tổng lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam là 3,52 triệu tấn, tăng 12,2%, kim ngạch nhập khẩu là 5,4 tỷ USD, giảm 6,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 tháng/ 2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này chủ yếu từ các thị trường: Hàn Quốc đạt 663 nghìn tấn, tăng 13,6%; Ả rập Xê út đạt 702 nghìn tấn, tăng 1,55%; Đài Loan đạt 525 nghìn tấn tăng 15,1%; Thái Lan đạt hơn 352 nghìn tấn, tăng 23,7%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Sản phẩm chất dẻo:** trong tháng 11/2015 sản phẩm từ chất dẻo nhập khẩu ở mức 321 triệu USD giảm 2,7% so với tháng trước. Nhập khẩu mặt hàng này đến trong 11 tháng/2015 đạt gần 3,43 tỷ USD tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước.

Việt Nam nhập khẩu mặt hàng sản phẩm chất dẻo từ Hàn Quốc trong 11 tháng/2015 là 1,04 tỷ USD, tăng 32,3 % so với cùng kỳ năm 2014; Trung Quốc là hơn 992 triệu USD, tăng 35,8%; Nhật Bản là hơn 572 triệu USD tăng nhẹ 1,14%,...

- **Xăng dầu các loại:** tháng 11/2015, đơn giá nhập khẩu bình quân nhóm hàng này đạt 454 USD/tấn - mức thấp nhất gần 7 năm qua, giảm 3,8% so với tháng trước. Lượng nhập khẩu là 958 nghìn tấn, cũng suy giảm 3,3% nên trị giá nhập khẩu nhóm hàng này là 449 triệu USD, giảm 7% so với tháng trước.

Tính đến hết 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 9,04 triệu tấn với trị giá là 4,92 tỷ USD, tăng 16,6% về lượng và giảm 30,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này giảm 2,17 tỷ USD; trong đó do giá giảm lên tới 3,35 tỷ USD.

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Singapo với 3,45 triệu tấn, tăng 41%; đặc biệt nhập khẩu từ Thái Lan với 2,03 triệu tấn, tăng 186%; Trung Quốc: 1,46 triệu tấn, giảm 6,1%; Đài Loan: 779 nghìn tấn, giảm 33%...so với cùng kỳ năm 2014.

- **Thức ăn gia súc và nguyên liệu:** trong tháng 11/2015, kim ngạch nhập khẩu đạt 234 triệu USD, nâng tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 11 tháng đầu năm đạt 3,05 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu từ Ác-hen-tina đạt 1,3 tỷ USD, tăng 8,14%; từ Hoa Kỳ là hơn 400 triệu USD, tăng 6,9%; từ Braxin là hơn 256 triệu USD, tăng 21% so với cùng kỳ 2014.

#### **TỔNG QUAN SỐ LIỆU THỐNG KÊ HẢI QUAN VỀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2015**

<b>Stt</b>		<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số sơ bộ</b>
(A)		(B)	(C)
<b>I</b>		<b>Xuất khẩu hàng hoá (XK)</b>	
1	I.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	13.894
2	I.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-2,9

3	I.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 11/2014 (%)	10,3
4	I.4	Tổng kim ngạch xuất khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	148,239
5	I.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	7,9
<b>II</b>		<b>Nhập khẩu hàng hoá (NK)</b>	
6	II.1	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	13.631
7	II.2	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-1,3
8	II.3	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2014 (%)	4,7
9	II.4	Tổng kim ngạch nhập khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	151.109
10	II.5	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	12,7
<b>III</b>		<b>Tổng kim ngạch XNK hàng hoá (XK+NK)</b>	
11	III.1	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	27.525
12	III.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-2,1
13	III.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2014 (%)	7,5
14	III.4	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	299.348
15	III.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	10,3
<b>IV</b>		<b>Cán cân Thương mại hàng hoá (XK-NK)</b>	

16	IV.1	Cán cân thương mại tháng 11/2015 (Triệu USD)	263
17	IV.2	Cán cân thương mại 11 tháng/2015 (Triệu USD)	-2.870

## **Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 11 và 11 tháng năm 2015**

Thông kê Hải quan 17/12/2015 4:00 PM

### **1. Đánh giá chung**

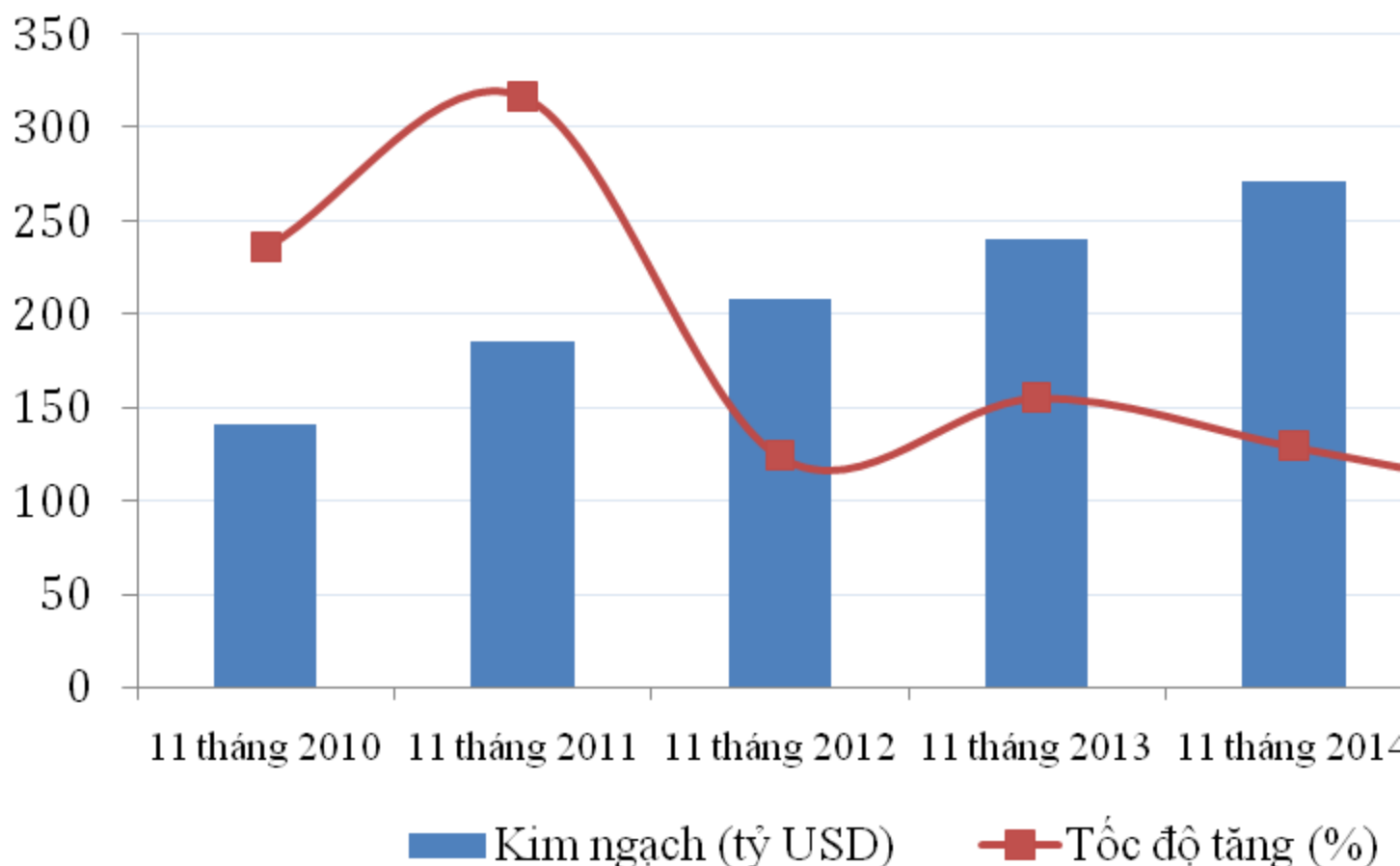
Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước trong tháng 11/2015 đạt gần 27,52 tỷ USD, giảm 2,1% so với tháng trước; trong đó trị giá xuất khẩu là 13,89 tỷ USD, giảm 2,9% và trị giá nhập khẩu là 13,63 tỷ USD, giảm 1,3%. Trong tháng 11/2015, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 263 triệu USD, là tháng xuất siêu thứ 4 trong năm 2015.

***Trong 11 tháng/2015, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt gần 299,35 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất hàng hóa đạt 148,24 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước và nhập khẩu hàng hóa là 151,11 tỷ USD, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến hết tháng 11/2015, cán cân thương mại hàng hóa thâm hụt 2,87 tỷ USD, tương đương 1,9% tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa của cả nước (ngược lại so với xu hướng thặng dư 3,3 tỷ của 11 tháng/2014).***

**Biểu đồ 1: Tổng kim ngạch và tốc độ tăng xuất nhập khẩu hàng hóa trong 11 tháng tính từ đầu năm, giai đoạn 2010-2015**



## Kim ngạch (tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

- Xét theo khối doanh nghiệp, nhập siêu trong 11 tháng/2015 là từ khối các doanh nghiệp có vốn hoàn toàn trong nước (doanh nghiệp trong nước) với mức thâm hụt 14,91 tỷ USD (xuất khẩu đạt 46,71 tỷ USD, giảm 9,4% và nhập khẩu là 61,6 tỷ USD, tăng 6,8%).

- Khối các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong 11 tháng/2015 xuất siêu 12,04 tỷ USD với trị giá xuất khẩu đạt 101,53 tỷ USD, tăng 18,3% và nhập khẩu đạt 89,48 tỷ USD, tăng 17,2%.

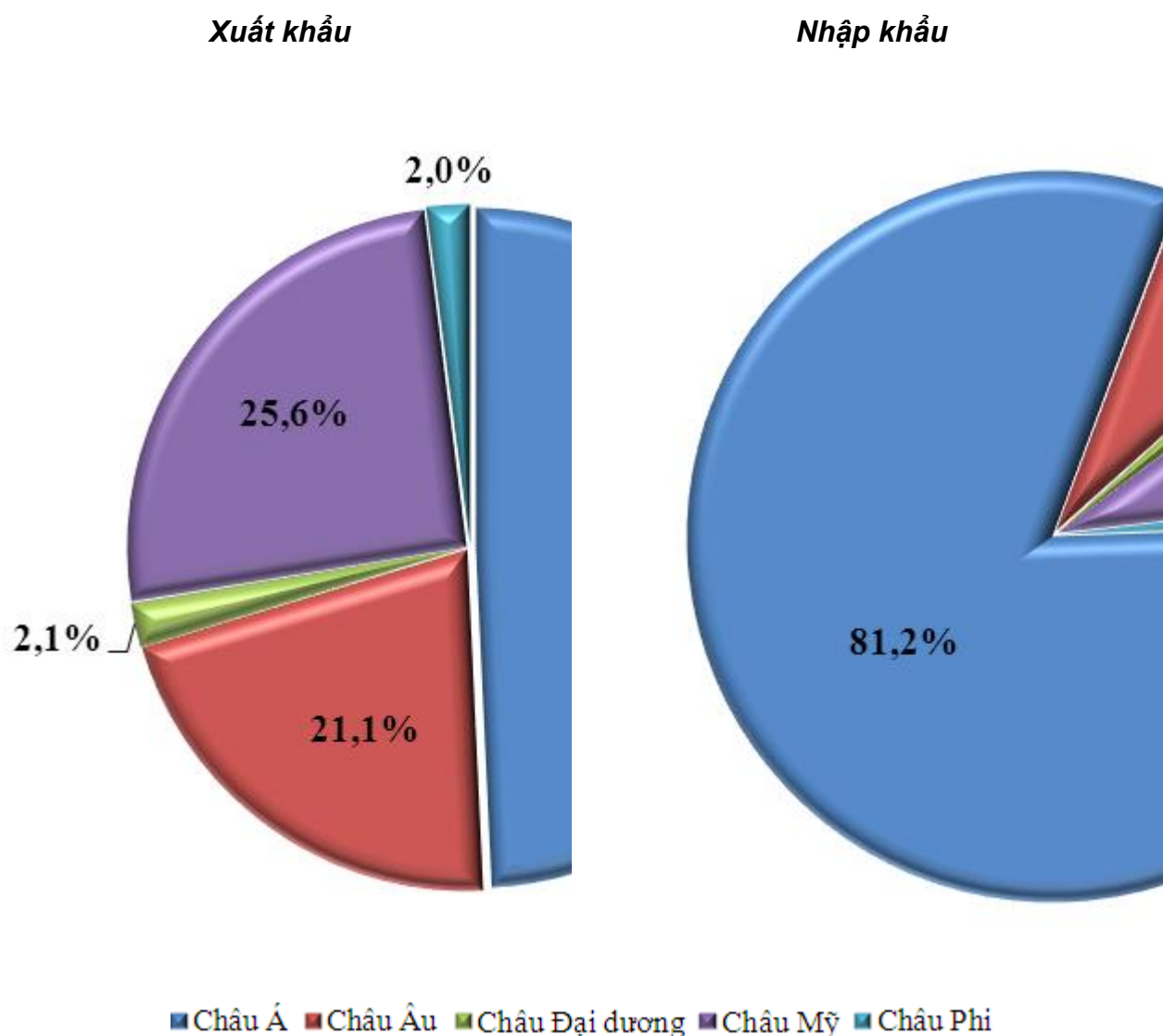
## 2. Thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa

**Kết thúc 11 tháng/2015, trao đổi thương mại hàng hóa của Việt Nam với hầu hết các châu lục đều tăng so với cùng kỳ năm 2014 (trừ Châu Đại Dương), trong đó tăng mạnh nhất ở Châu Mỹ (tăng 19,3%) và Châu Phi (tăng 10,9%).**

Tổng trị giá trao đổi hàng hóa của Việt Nam với châu Á 11 tháng/2015 đạt 195,78 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2014 và là châu lục chiếm tỷ trọng cao nhất (65,4%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước.

Tiếp theo là xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước châu Mỹ đạt kim ngạch 50,55 tỷ USD, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước; với châu Âu đạt 42,85 tỷ USD, tăng 10,5%; châu Đại Dương đạt 5,34 tỷ USD, giảm 16,6%; châu Phi đạt 4,83 tỷ USD, tăng 10,9%.

**Biểu đồ 3: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với các Châu lục 11 tháng/2015**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

### 3. Một số mặt hàng xuất khẩu chính

- **Điện thoại các loại & linh kiện:** xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 11 đạt 2,78 tỷ USD, tăng 4,4% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này đạt 28,44 tỷ USD, tăng 29,5% (tương ứng tăng 6,47 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2014.

Những đối tác chính nhập khẩu điện thoại các loại & linh kiện của Việt Nam trong 11 tháng qua là: EU với 9,48 tỷ USD, tăng 19,2% và chiếm 33,3% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là: Tiểu Vương Quốc Ảrập thống nhất: 4,26 tỷ USD, tăng 29,7%; Anh: 1,58 tỷ USD, tăng 51,6%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Hàng dệt may:** kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may trong 11 tháng/2015 đã vượt mốc 20 tỷ USD.

Xuất khẩu trong tháng đạt 1,71 tỷ USD, giảm 13,7% so với tháng trước (chủ yếu vì lý do thời vụ), qua đó nâng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 20,63 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2014 (tương ứng tăng 1,69 tỷ USD).

Trong 11 tháng qua, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ đạt 9,88 tỷ USD, tăng 11,7%; sang EU đạt 3,09 tỷ USD, tăng 3,5%; sang Nhật Bản đạt 2,53 tỷ USD, tăng 6,2% và sang Hàn Quốc đạt 1,98 tỷ USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước.

- **Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** kim ngạch xuất khẩu trong tháng 11/2015 là 1,51 tỷ USD, tăng 2,6% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, trị giá xuất khẩu nhóm hàng này đạt 14,31 tỷ USD, tăng 38,2%, trong đó, xuất khẩu sang EU đạt 2,9 tỷ USD, tăng 36,19%, sang Hoa Kỳ: 2,65 tỷ USD, tăng 35,12%; Trung Quốc: 2,38 tỷ USD, tăng 21,49%; Hồng Kông: 1,57 tỷ USD, tăng 95,23%... so với cùng kỳ năm trước.

- **Giày dép các loại:** kim ngạch xuất khẩu trong tháng đạt 1,1 tỷ USD, tăng 15,1% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, xuất khẩu nhóm hàng giày dép đạt 10,8 tỷ USD, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 3,67 tỷ USD, tăng 23,85% và chiếm 33,96% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước; tiếp theo là xuất khẩu sang thị trường EU đạt 3,63 tỷ USD, tăng 12,3%; sang Trung Quốc đạt gần 694 triệu USD, tăng 47,8%; sang Bỉ đạt gần 644 triệu USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** trong tháng 11/2015, xuất khẩu đạt gần 769 triệu USD giảm nhẹ 0,7% so với tháng trước, đưa tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 7,41 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, xuất khẩu nhóm hàng này sang Hoa Kỳ đạt gần 1,5 tỷ USD, tăng 28,71%; sang Nhật Bản: 1,28 tỷ USD, giảm 2,5%; sang Trung Quốc đạt gần 660 triệu USD, tăng 22,16% so với cùng kỳ năm trước.

- **Gỗ & sản phẩm gỗ:** xuất khẩu trong tháng đạt 598 triệu USD, giảm 5,8% so với tháng trước, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng/2015 lên 6,14 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, nhóm hàng gỗ & sản phẩm gỗ xuất sang Hoa Kỳ đạt 2,38 tỷ USD, tăng 17,8%; sang Nhật Bản gần 928 triệu USD tăng 6,97%; sang Trung Quốc là 831 triệu USD tăng 2,03% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Hàng thủy sản:** xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng đạt 601 triệu USD, giảm 11,1% so với tháng trước, qua đó nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng lên 6 tỷ USD, giảm 16,6% (tương ứng giảm gần 1,2 tỷ USD về số tuyệt đối) so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các thị trường chính trong 11 tháng/2015 đều suy giảm là: sang Hoa Kỳ đạt 1,2 tỷ USD, giảm 23,8%; sang EU đạt 1,06 tỷ USD, giảm 17,2%; sang Nhật Bản đạt 946 triệu USD, giảm 13,9%.

- **Dầu thô:** trong tháng lượng xuất khẩu là 668 nghìn tấn, giảm 12,3%, trị giá là 221 triệu USD, giảm 20% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng dầu thô xuất khẩu của cả nước đạt 8,35 triệu tấn, giảm 1,2% và kim ngạch đạt 3,48 tỷ USD, giảm 49% so với cùng kỳ năm trước.

Dầu thô của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang Trung Quốc: 1,76 triệu tấn, tăng 20,24%, sang Singapo: 1,2 triệu tấn, tăng 2 lần; sang Nhật Bản: 1,4 triệu tấn, giảm 17,2%; sang Malaixia: 1,36 triệu tấn, tăng 34,24% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Túi xách, ví, va li, mũ và ô dù:** trong tháng xuất khẩu mặt hàng này đạt 220 triệu USD, giảm 3,5% so với tháng trước, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 2,6 tỷ USD, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hoa Kỳ là đối tác chính nhập khẩu túi xách, ví, vali mũ và ô dù của Việt Nam trong 11 tháng/2015 với gần 1,1 tỷ USD, tăng 14,93% so với 11 tháng/2014, tiếp theo là EU với trị giá 675 triệu USD, tăng 12,24%; Nhật Bản là 281 triệu USD, tăng 11,1% .

- **Gạo:** xuất khẩu tháng 11/2015 đạt 711,6 nghìn tấn với trị giá đạt hơn 300 triệu USD, giảm 17,2% về lượng và 14,2% về trị giá so với tháng trước, Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu gạo của cả nước là 6,07 triệu tấn, giảm nhẹ 0,7% và trị giá đạt 2,58 tỷ USD, giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 tháng năm 2015, Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam với 2,02 triệu tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 33,4% tổng lượng xuất khẩu gạo của cả nước. Xuất khẩu gạo sang Philipin giảm 20% về lượng, đạt 1,05 triệu tấn; tiếp theo là Malaixia: 501 nghìn tấn, tăng 10,6%; Indônexia: 461 nghìn tấn, tăng 47,86%.

- **Xơ, sợi dệt các loại:** xuất khẩu mặt hàng này của cả nước trong tháng đạt hơn 80 nghìn tấn với trị giá đạt 205 triệu USD, tăng 0,9% về lượng giảm 1,3% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu nhóm hàng này đạt hơn 876 nghìn tấn, tăng 12,2% và trị giá đạt 2,32 tỷ USD, giảm nhẹ 0,1% so với cùng kỳ năm trước

Trong 11 tháng/2015, nhóm hàng xơ sợi dệt các loại xuất khẩu sang Trung Quốc đạt hơn 453 nghìn tấn tăng 27,8%; sang Hàn Quốc đạt 68 nghìn tấn, tăng 9,4%, sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 85,44 nghìn tấn, giảm 15,5% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Cà phê:** lượng cà phê xuất khẩu trong tháng 11/2015 là 96,16 nghìn tấn, trị giá đạt 181,5 triệu USD, tăng 8% về lượng và tăng 6,2% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng cà phê xuất khẩu của nước ta đạt 1,15 triệu tấn với trị giá 2,32 tỷ USD, giảm 27% về lượng và giảm 29,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2014.

- **Than đá:** lượng xuất khẩu than đá trong 11 tháng qua giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do suy giảm ở thị trường Trung Quốc

Xuất khẩu than đá của Việt Nam trong tháng là 93 nghìn tấn, giảm 13,7% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu than đá của cả nước là 1,68 triệu tấn, giảm 74,7%, với trị giá là 178 triệu USD, giảm 64,5% so với cùng kỳ năm trước.

Nếu như các năm trước, Trung Quốc luôn là đối tác lớn nhất nhập khẩu than đá của Việt Nam thì tính đến hết tháng 11 năm 2015 Nhật Bản trở thành đối tác hàng đầu của nước ta với lượng nhập khẩu đạt 630 nghìn tấn, giảm 23,3% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là Hàn Quốc đạt 262 nghìn tấn, giảm 76%.

#### **4. Một số mặt hàng nhập khẩu chính**

- **Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** trị giá nhập khẩu 11 tháng/2015 từ Hàn Quốc tăng mạnh (64,8%) so với cùng kỳ năm trước.

Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,2 tỷ USD, tăng 1,6% so với tháng trước, nâng trị giá nhập khẩu trong 11 tháng/2015 lên 25,11 tỷ USD, tăng mạnh 24,7% so với 11 tháng/2014. Khối doanh nghiệp FDI nhập khẩu 15,67 tỷ USD, tăng 28,9% trong khi khối doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 9,44 tỷ USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam trong 11 tháng qua với trị giá là 8,17 tỷ USD, tăng 15,7%; tiếp theo là các thị trường: Hàn Quốc: 4,68 tỷ USD, tăng mạnh 64,8%; Nhật Bản: 4,18 tỷ USD, tăng 26,6%; Đài Loan: 1,33 tỷ USD, tăng 4,1%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,04 tỷ USD, tăng 1,4% so với tháng trước. Tính trong 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 21,37 tỷ USD, tăng 26,3%; trong đó nhập khẩu của khu vực FDI là 19,64 tỷ USD, tăng 27,5% và nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước là 1,74 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hàn Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam với trị giá nhập khẩu là 6,28 tỷ USD, tăng 35%; tiếp theo là các thị trường: Trung Quốc: 4,78 tỷ USD, tăng 15,2%; Nhật Bản: 2,1 tỷ USD, tăng 23,8%; Đài Loan: hơn 2 tỷ USD, tăng mạnh 59,3%; Singapo: 1,7 tỷ USD, giảm 22%;... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Nhóm hàng nguyên, phụ liệu dệt may, da, giày:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 1,52 tỷ USD, giảm 4,1% so với tháng trước. Tính đến hết 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 16,82 tỷ USD nhóm hàng này, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, trị giá

vải nhập khẩu là 9,28 tỷ USD, tăng 7,9%; nguyên phụ liệu: 4,63 tỷ USD, tăng 7,8%; bông là 1,52 tỷ USD, tăng 13,7% và xơ sợi: 1,39 tỷ USD, giảm 2,3%.

Trong 11 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu nhóm mặt hàng này chủ yếu từ Trung Quốc với 6,98 tỷ USD, tăng 12,9%; tiếp theo là Hàn Quốc: 2,57 tỷ USD, giảm 1%; Đài Loan: 2,15 tỷ USD, tăng 3,5%... so với cùng kỳ năm trước.

- **Điện thoại các loại và linh kiện:** kim ngạch nhập khẩu trong tháng đạt 830 triệu USD giảm 15,2% so với tháng trước, đưa kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 11 tháng/2015 đạt mốc gần 10 tỷ USD, tăng 28,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Việt Nam nhập khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 chủ yếu từ các thị trường: Trung Quốc đạt 6,45 tỷ USD, tăng 11,46%; Hàn Quốc đạt 2,86 tỷ USD, tăng 79,45%...so với cùng kỳ năm 2014.

- **Sắt thép các loại:** lượng nhập khẩu trong tháng 11 ở mức 1,24 triệu tấn giảm 16,1%, với trị giá hơn 523 triệu USD giảm 9,2% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng sắt thép cả nước nhập về là 13,85 triệu tấn, tăng 33% nhưng đơn giá bình quân chỉ đạt 490USD/tấn - mức thấp nhất trong vòng 8 năm qua, giảm 26% nên trị giá là 6,79 tỷ USD, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2014.

Sắt thép các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua từ Trung Quốc là 8,44 triệu tấn, tăng mạnh 58,3% và chiếm 61% tổng lượng sắt thép cả nước nhập về; Nhật Bản: 2,29 triệu tấn, tăng 10,5%; Hàn Quốc: 1,62 triệu tấn, tăng 22,7%; Đài Loan: 1,07 triệu tấn, tăng 3,9%... so với 11 tháng/2014.

- **Sản phẩm từ sắt thép:** trong tháng 11/2015, cả nước nhập khẩu hơn 271 triệu USD, giảm 1,8% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước là 3,53 tỷ USD, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong 11 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này từ Trung Quốc với trị giá đạt 1,23 tỷ USD, tăng 32,6%; từ Hàn Quốc là hơn 968 triệu USD tăng 54,65% so với cùng kỳ năm trước,...

- **Chất dẻo nguyên liệu:** lượng nhập khẩu trong tháng 11/2015 là gần 367 nghìn tấn, trị giá đạt 515 triệu USD. Tính đến hết tháng 10/2015, tổng lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam là 3,52 triệu tấn, tăng 12,2%, kim ngạch nhập khẩu là 5,4 tỷ USD, giảm 6,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 tháng/ 2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này chủ yếu từ các thị trường: Hàn Quốc đạt 663 nghìn tấn, tăng 13,6%; Ả rập Xê út đạt 702 nghìn tấn, tăng 1,55%; Đài Loan đạt 525 nghìn tấn tăng 15,1%; Thái Lan đạt hơn 352 nghìn tấn, tăng 23,7%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Sản phẩm chất dẻo:** trong tháng 11/2015 sản phẩm từ chất dẻo nhập khẩu ở mức 321 triệu USD giảm 2,7% so với tháng trước. Nhập khẩu mặt hàng này đến trong 11 tháng/2015 đạt gần 3,43 tỷ USD tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước.

Việt Nam nhập khẩu mặt hàng sản phẩm chất dẻo từ Hàn Quốc trong 11 tháng/2015 là 1,04 tỷ USD, tăng 32,3 % so với cùng kỳ năm 2014; Trung Quốc là hơn 992 triệu USD, tăng 35,8%; Nhật Bản là hơn 572 triệu USD tăng nhẹ 1,14%,...

- **Xăng dầu các loại:** tháng 11/2015, đơn giá nhập khẩu bình quân nhóm hàng này đạt 454 USD/tấn - mức thấp nhất gần 7 năm qua, giảm 3,8% so với tháng trước. Lượng nhập khẩu là 958 nghìn tấn, cũng suy giảm 3,3% nên trị giá nhập khẩu nhóm hàng này là 449 triệu USD, giảm 7% so với tháng trước.

Tính đến hết 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 9,04 triệu tấn với trị giá là 4,92 tỷ USD, tăng 16,6% về lượng và giảm 30,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này giảm 2,17 tỷ USD; trong đó do giá giảm lên tới 3,35 tỷ USD.

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Singapo với 3,45 triệu tấn, tăng 41%; đặc biệt nhập khẩu từ Thái Lan với 2,03 triệu tấn, tăng 186%; Trung Quốc: 1,46 triệu tấn, giảm 6,1%; Đài Loan: 779 nghìn tấn, giảm 33%...so với cùng kỳ năm 2014.

- **Thức ăn gia súc và nguyên liệu:** trong tháng 11/2015, kim ngạch nhập khẩu đạt 234 triệu USD, nâng tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 11 tháng đầu năm đạt 3,05 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu từ Ác-hen-tina đạt 1,3 tỷ USD, tăng 8,14%; từ Hoa Kỳ là hơn 400 triệu USD, tăng 6,9%; từ Braxin là hơn 256 triệu USD, tăng 21% so với cùng kỳ 2014.

### **TỔNG QUAN SỐ LIỆU THỐNG KÊ HẢI QUAN VỀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2015**

<b>Stt</b>		<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số sơ bộ</b>
(A)		(B)	(C)
<b>I</b>		<b>Xuất khẩu hàng hoá (XK)</b>	
1	I.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	13.894
2	I.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-2,9
3	I.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 11/2014 (%)	10,3

4	I.4	Tổng kim ngạch xuất khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	148,239
5	I.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	7,9
<b>II</b>		<b>Nhập khẩu hàng hoá (NK)</b>	
6	II.1	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	13.631
7	II.2	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-1,3
8	II.3	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2014 (%)	4,7
9	II.4	Tổng kim ngạch nhập khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	151.109
10	II.5	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	12,7
<b>III</b>		<b>Tổng kim ngạch XNK hàng hoá (XK+NK)</b>	
11	III.1	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	27.525
12	III.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-2,1
13	III.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2014 (%)	7,5
14	III.4	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	299.348
15	III.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	10,3
<b>IV</b>		<b>Cán cân Thương mại hàng hoá (XK-NK)</b>	
16	IV.1	Cán cân thương mại tháng 11/2015 (Triệu USD)	263



17	IV.2	Cán cân thương mại 11 tháng/2015 (Triệu USD)	-2.870
----	------	--	--------

## Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 11 và 11 tháng năm 2015

Thông kê Hải quan 17/12/2015 4:00 PM

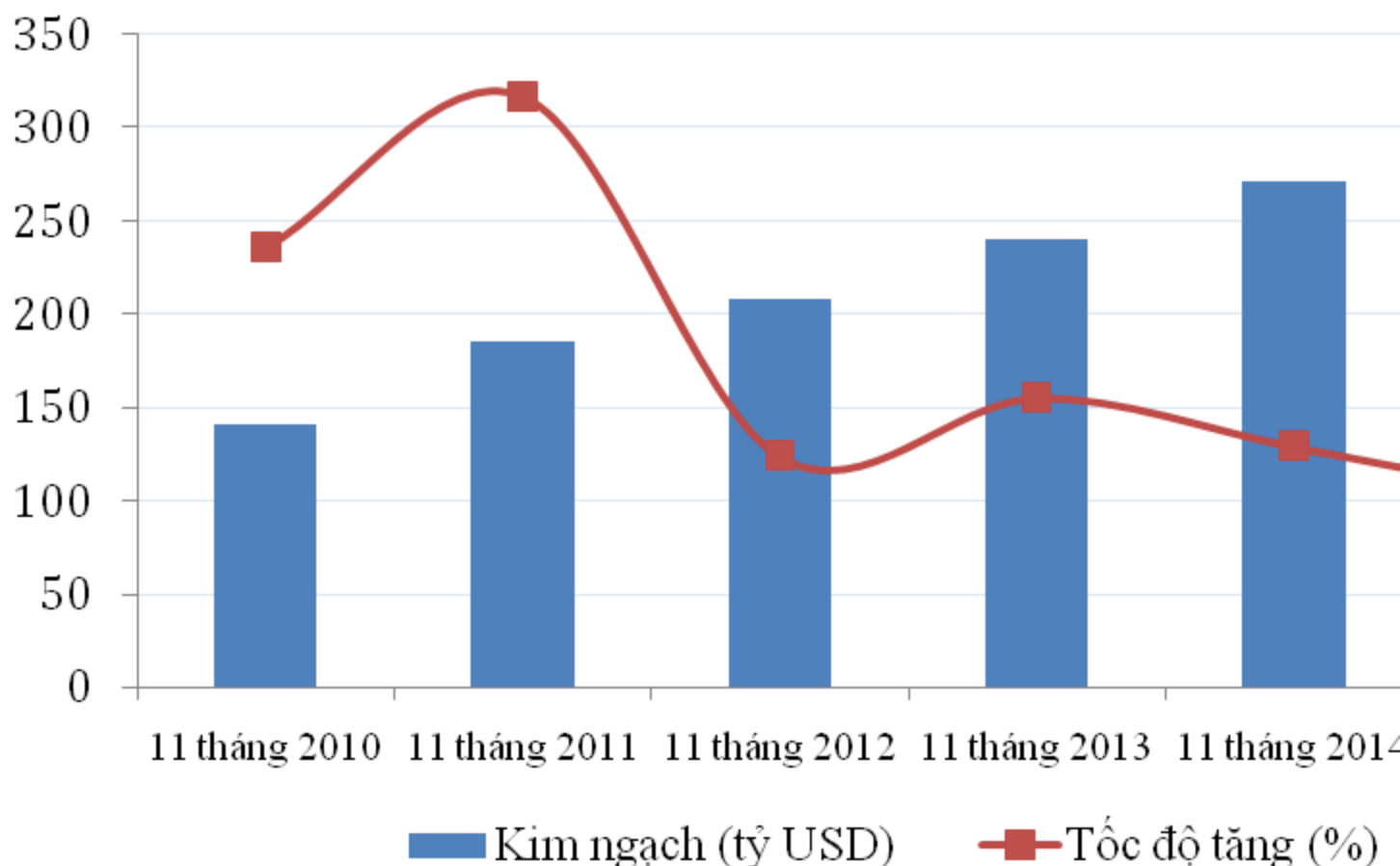
### 1. Đánh giá chung

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước trong tháng 11/2015 đạt gần 27,52 tỷ USD, giảm 2,1% so với tháng trước; trong đó trị giá xuất khẩu là 13,89 tỷ USD, giảm 2,9% và trị giá nhập khẩu là 13,63 tỷ USD, giảm 1,3%. Trong tháng 11/2015, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 263 triệu USD, là tháng xuất siêu thứ 4 trong năm 2015.

*Trong 11 tháng/2015, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt gần 299,35 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất hàng hóa đạt 148,24 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước và nhập khẩu hàng hóa là 151,11 tỷ USD, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến hết tháng 11/2015, cán cân thương mại hàng hóa thâm hụt 2,87 tỷ USD, tương đương 1,9% tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa của cả nước (ngược lại so với xu hướng thặng dư 3,3 tỷ của 11 tháng/2014).*

### **Biểu đồ 1: Tổng kim ngạch và tốc độ tăng xuất nhập khẩu hàng hóa trong 11 tháng tính từ đầu năm, giai đoạn 2010-2015**

## Kim ngạch (tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

- Xét theo khối doanh nghiệp, nhập siêu trong 11 tháng/2015 là từ khối các doanh nghiệp có vốn hoàn toàn trong nước (doanh nghiệp trong nước) với mức thâm hụt 14,91 tỷ USD (xuất khẩu đạt 46,71 tỷ USD, giảm 9,4% và nhập khẩu là 61,6 tỷ USD, tăng 6,8%).

- Khối các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong 11 tháng/2015 xuất siêu 12,04 tỷ USD với trị giá xuất khẩu đạt 101,53 tỷ USD, tăng 18,3% và nhập khẩu đạt 89,48 tỷ USD, tăng 17,2%.

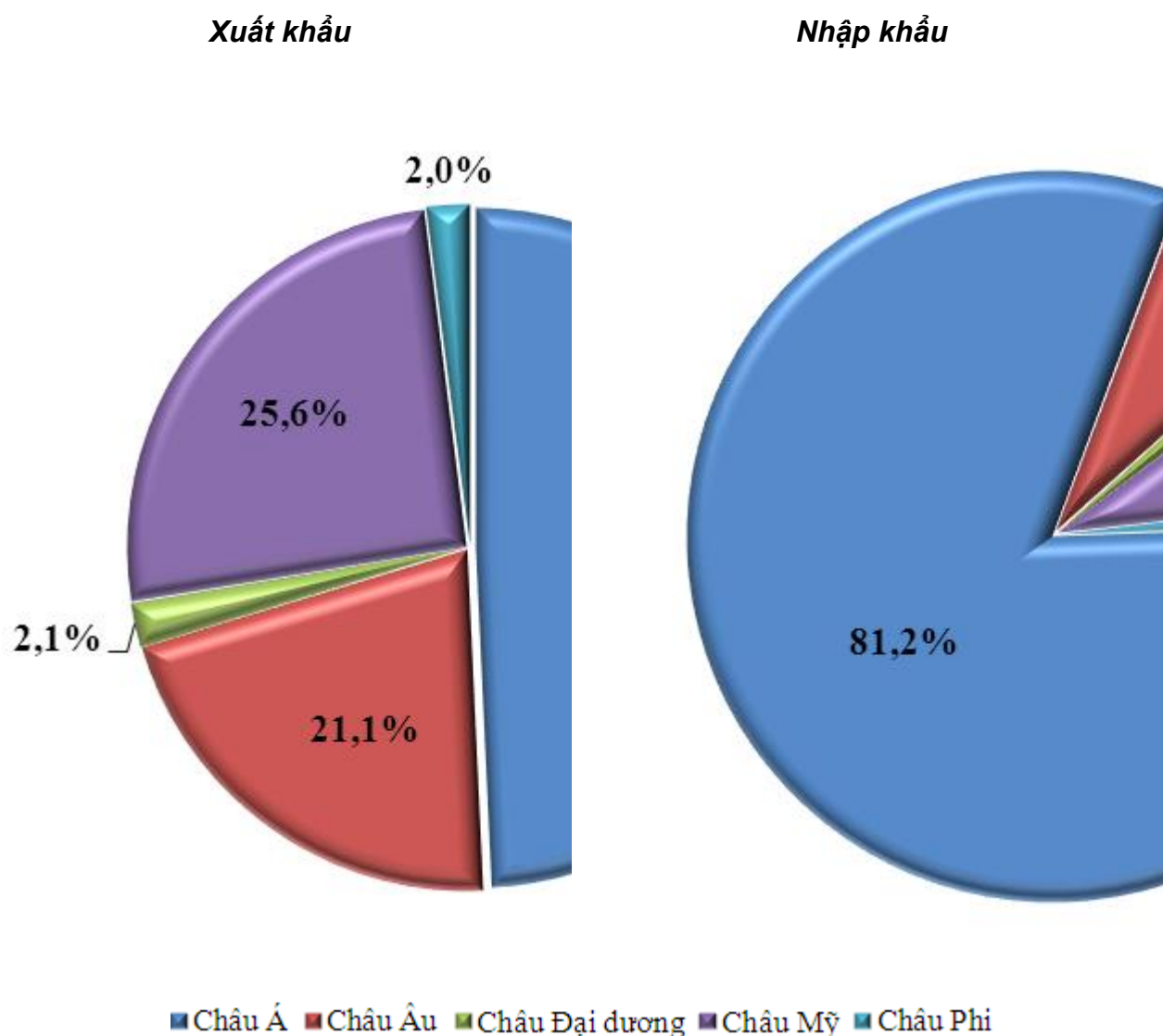
## 2. Thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa

**Kết thúc 11 tháng/2015, trao đổi thương mại hàng hóa của Việt Nam với hầu hết các châu lục đều tăng so với cùng kỳ năm 2014 (trừ Châu Đại Dương), trong đó tăng mạnh nhất ở Châu Mỹ (tăng 19,3%) và Châu Phi (tăng 10,9%).**

Tổng trị giá trao đổi hàng hóa của Việt Nam với châu Á 11 tháng/2015 đạt 195,78 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2014 và là châu lục chiếm tỷ trọng cao nhất (65,4%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước.

Tiếp theo là xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước châu Mỹ đạt kim ngạch 50,55 tỷ USD, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước; với châu Âu đạt 42,85 tỷ USD, tăng 10,5%; châu Đại Dương đạt 5,34 tỷ USD, giảm 16,6%; châu Phi đạt 4,83 tỷ USD, tăng 10,9%.

**Biểu đồ 3: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với các Châu lục 11 tháng/2015**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

### 3. Một số mặt hàng xuất khẩu chính

- **Điện thoại các loại & linh kiện:** xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 11 đạt 2,78 tỷ USD, tăng 4,4% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này đạt 28,44 tỷ USD, tăng 29,5% (tương ứng tăng 6,47 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2014.

Những đối tác chính nhập khẩu điện thoại các loại & linh kiện của Việt Nam trong 11 tháng qua là: EU với 9,48 tỷ USD, tăng 19,2% và chiếm 33,3% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là: Tiểu Vương Quốc Ảrập thống nhất: 4,26 tỷ USD, tăng 29,7%; Anh: 1,58 tỷ USD, tăng 51,6%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Hàng dệt may:** kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may trong 11 tháng/2015 đã vượt mốc 20 tỷ USD.

Xuất khẩu trong tháng đạt 1,71 tỷ USD, giảm 13,7% so với tháng trước (chủ yếu vì lý do thời vụ), qua đó nâng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 20,63 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2014 (tương ứng tăng 1,69 tỷ USD).

Trong 11 tháng qua, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ đạt 9,88 tỷ USD, tăng 11,7%; sang EU đạt 3,09 tỷ USD, tăng 3,5%; sang Nhật Bản đạt 2,53 tỷ USD, tăng 6,2% và sang Hàn Quốc đạt 1,98 tỷ USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước.

- **Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** kim ngạch xuất khẩu trong tháng 11/2015 là 1,51 tỷ USD, tăng 2,6% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, trị giá xuất khẩu nhóm hàng này đạt 14,31 tỷ USD, tăng 38,2%, trong đó, xuất khẩu sang EU đạt 2,9 tỷ USD, tăng 36,19%, sang Hoa Kỳ: 2,65 tỷ USD, tăng 35,12%; Trung Quốc: 2,38 tỷ USD, tăng 21,49%; Hồng Kông: 1,57 tỷ USD, tăng 95,23%... so với cùng kỳ năm trước.

- **Giày dép các loại:** kim ngạch xuất khẩu trong tháng đạt 1,1 tỷ USD, tăng 15,1% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, xuất khẩu nhóm hàng giày dép đạt 10,8 tỷ USD, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 3,67 tỷ USD, tăng 23,85% và chiếm 33,96% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước; tiếp theo là xuất khẩu sang thị trường EU đạt 3,63 tỷ USD, tăng 12,3%; sang Trung Quốc đạt gần 694 triệu USD, tăng 47,8%; sang Bỉ đạt gần 644 triệu USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** trong tháng 11/2015, xuất khẩu đạt gần 769 triệu USD giảm nhẹ 0,7% so với tháng trước, đưa tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 7,41 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, xuất khẩu nhóm hàng này sang Hoa Kỳ đạt gần 1,5 tỷ USD, tăng 28,71%; sang Nhật Bản: 1,28 tỷ USD, giảm 2,5%; sang Trung Quốc đạt gần 660 triệu USD, tăng 22,16% so với cùng kỳ năm trước.

- **Gỗ & sản phẩm gỗ:** xuất khẩu trong tháng đạt 598 triệu USD, giảm 5,8% so với tháng trước, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng/2015 lên 6,14 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, nhóm hàng gỗ & sản phẩm gỗ xuất sang Hoa Kỳ đạt 2,38 tỷ USD, tăng 17,8%; sang Nhật Bản gần 928 triệu USD tăng 6,97%; sang Trung Quốc là 831 triệu USD tăng 2,03% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Hàng thủy sản:** xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng đạt 601 triệu USD, giảm 11,1% so với tháng trước, qua đó nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng lên 6 tỷ USD, giảm 16,6% (tương ứng giảm gần 1,2 tỷ USD về số tuyệt đối) so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các thị trường chính trong 11 tháng/2015 đều suy giảm là: sang Hoa Kỳ đạt 1,2 tỷ USD, giảm 23,8%; sang EU đạt 1,06 tỷ USD, giảm 17,2%; sang Nhật Bản đạt 946 triệu USD, giảm 13,9%.

- **Dầu thô:** trong tháng lượng xuất khẩu là 668 nghìn tấn, giảm 12,3%, trị giá là 221 triệu USD, giảm 20% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng dầu thô xuất khẩu của cả nước đạt 8,35 triệu tấn, giảm 1,2% và kim ngạch đạt 3,48 tỷ USD, giảm 49% so với cùng kỳ năm trước.

Dầu thô của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang Trung Quốc: 1,76 triệu tấn, tăng 20,24%, sang Singapo: 1,2 triệu tấn, tăng 2 lần; sang Nhật Bản: 1,4 triệu tấn, giảm 17,2%; sang Malaixia: 1,36 triệu tấn, tăng 34,24% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Túi xách, ví, va li, mũ và ô dù:** trong tháng xuất khẩu mặt hàng này đạt 220 triệu USD, giảm 3,5% so với tháng trước, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 2,6 tỷ USD, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hoa Kỳ là đối tác chính nhập khẩu túi xách, ví, vali mũ và ô dù của Việt Nam trong 11 tháng/2015 với gần 1,1 tỷ USD, tăng 14,93% so với 11 tháng/2014, tiếp theo là EU với trị giá 675 triệu USD, tăng 12,24%; Nhật Bản là 281 triệu USD, tăng 11,1% .

- **Gạo:** xuất khẩu tháng 11/2015 đạt 711,6 nghìn tấn với trị giá đạt hơn 300 triệu USD, giảm 17,2% về lượng và 14,2% về trị giá so với tháng trước, Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu gạo của cả nước là 6,07 triệu tấn, giảm nhẹ 0,7% và trị giá đạt 2,58 tỷ USD, giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 tháng năm 2015, Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam với 2,02 triệu tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 33,4% tổng lượng xuất khẩu gạo của cả nước. Xuất khẩu gạo sang Philipin giảm 20% về lượng, đạt 1,05 triệu tấn; tiếp theo là Malaixia: 501 nghìn tấn, tăng 10,6%; Indônexia: 461 nghìn tấn, tăng 47,86%.

- **Xơ, sợi dệt các loại:** xuất khẩu mặt hàng này của cả nước trong tháng đạt hơn 80 nghìn tấn với trị giá đạt 205 triệu USD, tăng 0,9% về lượng giảm 1,3% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu nhóm hàng này đạt hơn 876 nghìn tấn, tăng 12,2% và trị giá đạt 2,32 tỷ USD, giảm nhẹ 0,1% so với cùng kỳ năm trước

Trong 11 tháng/2015, nhóm hàng xơ sợi dệt các loại xuất khẩu sang Trung Quốc đạt hơn 453 nghìn tấn tăng 27,8%; sang Hàn Quốc đạt 68 nghìn tấn, tăng 9,4%, sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 85,44 nghìn tấn, giảm 15,5% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Cà phê:** lượng cà phê xuất khẩu trong tháng 11/2015 là 96,16 nghìn tấn, trị giá đạt 181,5 triệu USD, tăng 8% về lượng và tăng 6,2% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng cà phê xuất khẩu của nước ta đạt 1,15 triệu tấn với trị giá 2,32 tỷ USD, giảm 27% về lượng và giảm 29,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2014.

- **Than đá:** lượng xuất khẩu than đá trong 11 tháng qua giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do suy giảm ở thị trường Trung Quốc

Xuất khẩu than đá của Việt Nam trong tháng là 93 nghìn tấn, giảm 13,7% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu than đá của cả nước là 1,68 triệu tấn, giảm 74,7%, với trị giá là 178 triệu USD, giảm 64,5% so với cùng kỳ năm trước.

Nếu như các năm trước, Trung Quốc luôn là đối tác lớn nhất nhập khẩu than đá của Việt Nam thì tính đến hết tháng 11 năm 2015 Nhật Bản trở thành đối tác hàng đầu của nước ta với lượng nhập khẩu đạt 630 nghìn tấn, giảm 23,3% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là Hàn Quốc đạt 262 nghìn tấn, giảm 76%.

#### **4. Một số mặt hàng nhập khẩu chính**

- **Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** trị giá nhập khẩu 11 tháng/2015 từ Hàn Quốc tăng mạnh (64,8%) so với cùng kỳ năm trước.

Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,2 tỷ USD, tăng 1,6% so với tháng trước, nâng trị giá nhập khẩu trong 11 tháng/2015 lên 25,11 tỷ USD, tăng mạnh 24,7% so với 11 tháng/2014. Khối doanh nghiệp FDI nhập khẩu 15,67 tỷ USD, tăng 28,9% trong khi khối doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 9,44 tỷ USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam trong 11 tháng qua với trị giá là 8,17 tỷ USD, tăng 15,7%; tiếp theo là các thị trường: Hàn Quốc: 4,68 tỷ USD, tăng mạnh 64,8%; Nhật Bản: 4,18 tỷ USD, tăng 26,6%; Đài Loan: 1,33 tỷ USD, tăng 4,1%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,04 tỷ USD, tăng 1,4% so với tháng trước. Tính trong 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 21,37 tỷ USD, tăng 26,3%; trong đó nhập khẩu của khu vực FDI là 19,64 tỷ USD, tăng 27,5% và nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước là 1,74 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hàn Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam với trị giá nhập khẩu là 6,28 tỷ USD, tăng 35%; tiếp theo là các thị trường: Trung Quốc: 4,78 tỷ USD, tăng 15,2%; Nhật Bản: 2,1 tỷ USD, tăng 23,8%; Đài Loan: hơn 2 tỷ USD, tăng mạnh 59,3%; Singapo: 1,7 tỷ USD, giảm 22%;... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Nhóm hàng nguyên, phụ liệu dệt may, da, giày:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 1,52 tỷ USD, giảm 4,1% so với tháng trước. Tính đến hết 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 16,82 tỷ USD nhóm hàng này, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, trị giá

vải nhập khẩu là 9,28 tỷ USD, tăng 7,9%; nguyên phụ liệu: 4,63 tỷ USD, tăng 7,8%; bông là 1,52 tỷ USD, tăng 13,7% và xơ sợi: 1,39 tỷ USD, giảm 2,3%.

Trong 11 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu nhóm mặt hàng này chủ yếu từ Trung Quốc với 6,98 tỷ USD, tăng 12,9%; tiếp theo là Hàn Quốc: 2,57 tỷ USD, giảm 1%; Đài Loan: 2,15 tỷ USD, tăng 3,5%... so với cùng kỳ năm trước.

- **Điện thoại các loại và linh kiện:** kim ngạch nhập khẩu trong tháng đạt 830 triệu USD giảm 15,2% so với tháng trước, đưa kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 11 tháng/2015 đạt mốc gần 10 tỷ USD, tăng 28,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Việt Nam nhập khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 chủ yếu từ các thị trường: Trung Quốc đạt 6,45 tỷ USD, tăng 11,46%; Hàn Quốc đạt 2,86 tỷ USD, tăng 79,45%...so với cùng kỳ năm 2014.

- **Sắt thép các loại:** lượng nhập khẩu trong tháng 11 ở mức 1,24 triệu tấn giảm 16,1%, với trị giá hơn 523 triệu USD giảm 9,2% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng sắt thép cả nước nhập về là 13,85 triệu tấn, tăng 33% nhưng đơn giá bình quân chỉ đạt 490USD/tấn - mức thấp nhất trong vòng 8 năm qua, giảm 26% nên trị giá là 6,79 tỷ USD, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2014.

Sắt thép các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua từ Trung Quốc là 8,44 triệu tấn, tăng mạnh 58,3% và chiếm 61% tổng lượng sắt thép cả nước nhập về; Nhật Bản: 2,29 triệu tấn, tăng 10,5%; Hàn Quốc: 1,62 triệu tấn, tăng 22,7%; Đài Loan: 1,07 triệu tấn, tăng 3,9%... so với 11 tháng/2014.

- **Sản phẩm từ sắt thép:** trong tháng 11/2015, cả nước nhập khẩu hơn 271 triệu USD, giảm 1,8% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước là 3,53 tỷ USD, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong 11 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này từ Trung Quốc với trị giá đạt 1,23 tỷ USD, tăng 32,6%; từ Hàn Quốc là hơn 968 triệu USD tăng 54,65% so với cùng kỳ năm trước,...

- **Chất dẻo nguyên liệu:** lượng nhập khẩu trong tháng 11/2015 là gần 367 nghìn tấn, trị giá đạt 515 triệu USD. Tính đến hết tháng 10/2015, tổng lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam là 3,52 triệu tấn, tăng 12,2%, kim ngạch nhập khẩu là 5,4 tỷ USD, giảm 6,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 tháng/ 2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này chủ yếu từ các thị trường: Hàn Quốc đạt 663 nghìn tấn, tăng 13,6%; Ả rập Xê út đạt 702 nghìn tấn, tăng 1,55%; Đài Loan đạt 525 nghìn tấn tăng 15,1%; Thái Lan đạt hơn 352 nghìn tấn, tăng 23,7%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Sản phẩm chất dẻo:** trong tháng 11/2015 sản phẩm từ chất dẻo nhập khẩu ở mức 321 triệu USD giảm 2,7% so với tháng trước. Nhập khẩu mặt hàng này đến trong 11 tháng/2015 đạt gần 3,43 tỷ USD tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước.

Việt Nam nhập khẩu mặt hàng sản phẩm chất dẻo từ Hàn Quốc trong 11 tháng/2015 là 1,04 tỷ USD, tăng 32,3 % so với cùng kỳ năm 2014; Trung Quốc là hơn 992 triệu USD, tăng 35,8%; Nhật Bản là hơn 572 triệu USD tăng nhẹ 1,14%,...

- **Xăng dầu các loại:** tháng 11/2015, đơn giá nhập khẩu bình quân nhóm hàng này đạt 454 USD/tấn - mức thấp nhất gần 7 năm qua, giảm 3,8% so với tháng trước. Lượng nhập khẩu là 958 nghìn tấn, cũng suy giảm 3,3% nên trị giá nhập khẩu nhóm hàng này là 449 triệu USD, giảm 7% so với tháng trước.

Tính đến hết 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 9,04 triệu tấn với trị giá là 4,92 tỷ USD, tăng 16,6% về lượng và giảm 30,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này giảm 2,17 tỷ USD; trong đó do giá giảm lên tới 3,35 tỷ USD.

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Singapo với 3,45 triệu tấn, tăng 41%; đặc biệt nhập khẩu từ Thái Lan với 2,03 triệu tấn, tăng 186%; Trung Quốc: 1,46 triệu tấn, giảm 6,1%; Đài Loan: 779 nghìn tấn, giảm 33%...so với cùng kỳ năm 2014.

- **Thức ăn gia súc và nguyên liệu:** trong tháng 11/2015, kim ngạch nhập khẩu đạt 234 triệu USD, nâng tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 11 tháng đầu năm đạt 3,05 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu từ Ác-hen-tina đạt 1,3 tỷ USD, tăng 8,14%; từ Hoa Kỳ là hơn 400 triệu USD, tăng 6,9%; từ Braxin là hơn 256 triệu USD, tăng 21% so với cùng kỳ 2014.

#### **TỔNG QUAN SỐ LIỆU THỐNG KÊ HẢI QUAN VỀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2015**

<b>Stt</b>		<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số sơ bộ</b>
(A)		(B)	(C)
<b>I</b>		<b>Xuất khẩu hàng hoá (XK)</b>	
1	I.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	13.894
2	I.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-2,9
3	I.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 11/2014 (%)	10,3



4	I.4	Tổng kim ngạch xuất khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	148,239
5	I.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	7,9
<b>II</b>		<b>Nhập khẩu hàng hoá (NK)</b>	
6	II.1	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	13.631
7	II.2	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-1,3
8	II.3	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2014 (%)	4,7
9	II.4	Tổng kim ngạch nhập khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	151.109
10	II.5	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	12,7
<b>III</b>		<b>Tổng kim ngạch XNK hàng hoá (XK+NK)</b>	
11	III.1	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	27.525
12	III.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-2,1
13	III.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2014 (%)	7,5
14	III.4	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	299.348
15	III.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	10,3
<b>IV</b>		<b>Cán cân Thương mại hàng hoá (XK-NK)</b>	
16	IV.1	Cán cân thương mại tháng 11/2015 (Triệu USD)	263

17	IV.2	Cán cân thương mại 11 tháng/2015 (Triệu USD)	-2.870
----	------	--	--------

## Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 11 và 11 tháng năm 2015

Thông kê Hải quan 17/12/2015 4:00 PM

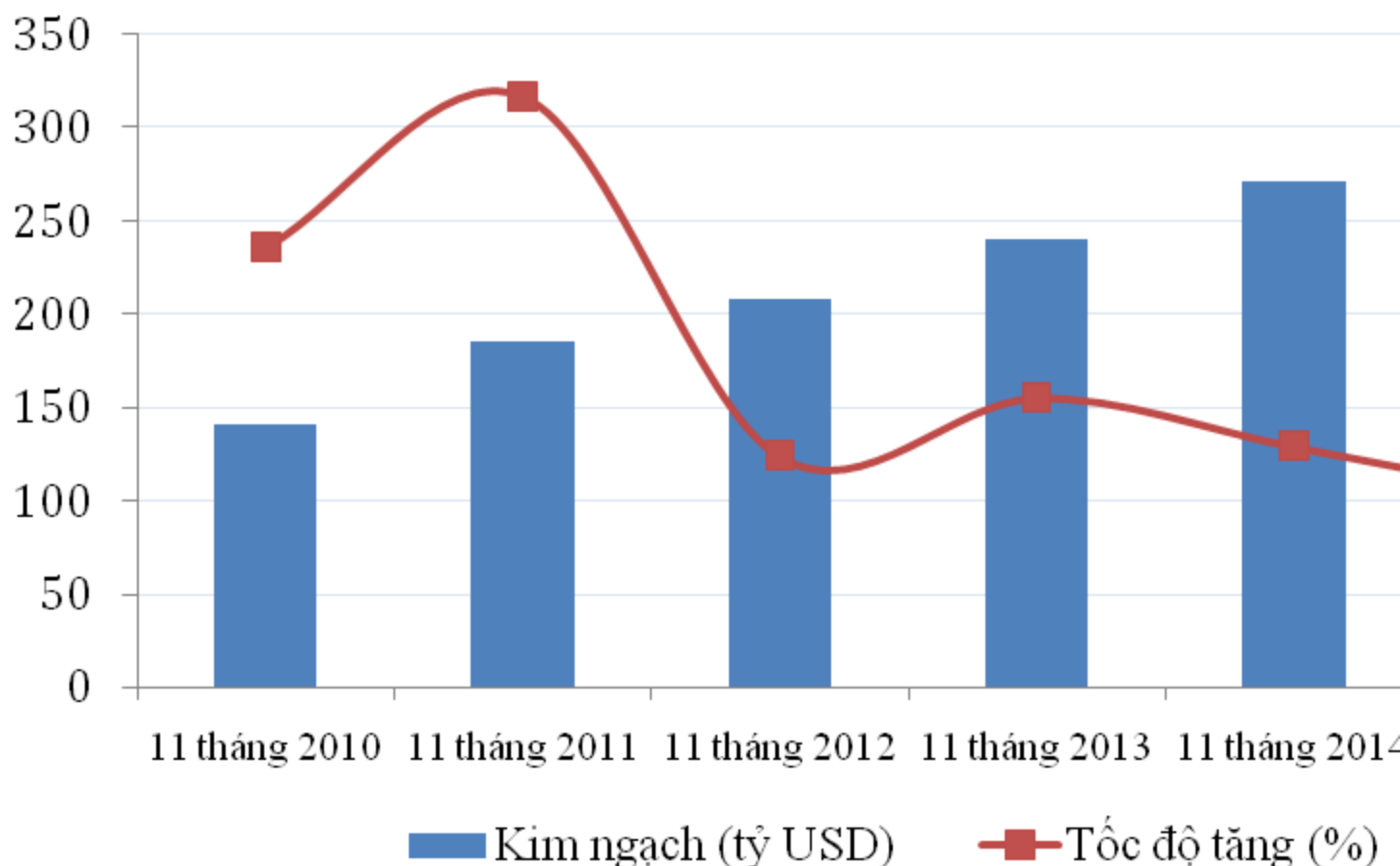
### 1. Đánh giá chung

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước trong tháng 11/2015 đạt gần 27,52 tỷ USD, giảm 2,1% so với tháng trước; trong đó trị giá xuất khẩu là 13,89 tỷ USD, giảm 2,9% và trị giá nhập khẩu là 13,63 tỷ USD, giảm 1,3%. Trong tháng 11/2015, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 263 triệu USD, là tháng xuất siêu thứ 4 trong năm 2015.

*Trong 11 tháng/2015, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt gần 299,35 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất hàng hóa đạt 148,24 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước và nhập khẩu hàng hóa là 151,11 tỷ USD, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến hết tháng 11/2015, cán cân thương mại hàng hóa thâm hụt 2,87 tỷ USD, tương đương 1,9% tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa của cả nước (ngược lại so với xu hướng thặng dư 3,3 tỷ của 11 tháng/2014).*

### **Biểu đồ 1: Tổng kim ngạch và tốc độ tăng xuất nhập khẩu hàng hóa trong 11 tháng tính từ đầu năm, giai đoạn 2010-2015**

## Kim ngạch (tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

- Xét theo khối doanh nghiệp, nhập siêu trong 11 tháng/2015 là từ khối các doanh nghiệp có vốn hoàn toàn trong nước (doanh nghiệp trong nước) với mức thâm hụt 14,91 tỷ USD (xuất khẩu đạt 46,71 tỷ USD, giảm 9,4% và nhập khẩu là 61,6 tỷ USD, tăng 6,8%).

- Khối các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong 11 tháng/2015 xuất siêu 12,04 tỷ USD với trị giá xuất khẩu đạt 101,53 tỷ USD, tăng 18,3% và nhập khẩu đạt 89,48 tỷ USD, tăng 17,2%.

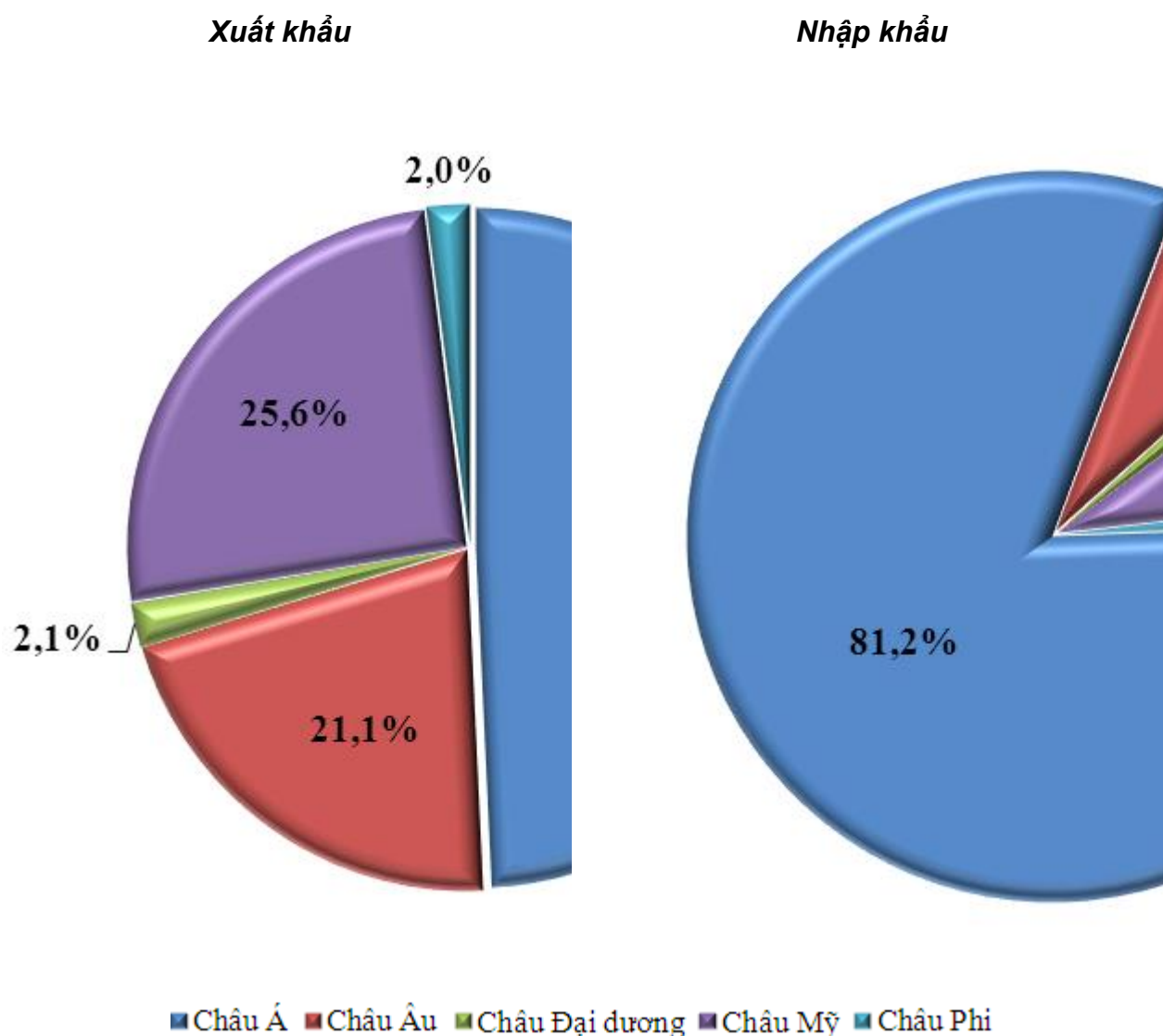
## 2. Thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa

**Kết thúc 11 tháng/2015, trao đổi thương mại hàng hóa của Việt Nam với hầu hết các châu lục đều tăng so với cùng kỳ năm 2014 (trừ Châu Đại Dương), trong đó tăng mạnh nhất ở Châu Mỹ (tăng 19,3%) và Châu Phi (tăng 10,9%).**

Tổng trị giá trao đổi hàng hóa của Việt Nam với châu Á 11 tháng/2015 đạt 195,78 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2014 và là châu lục chiếm tỷ trọng cao nhất (65,4%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước.

Tiếp theo là xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước châu Mỹ đạt kim ngạch 50,55 tỷ USD, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước; với châu Âu đạt 42,85 tỷ USD, tăng 10,5%; châu Đại Dương đạt 5,34 tỷ USD, giảm 16,6%; châu Phi đạt 4,83 tỷ USD, tăng 10,9%.

**Biểu đồ 3: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với các Châu lục 11 tháng/2015**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

### 3. Một số mặt hàng xuất khẩu chính

- **Điện thoại các loại & linh kiện:** xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 11 đạt 2,78 tỷ USD, tăng 4,4% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này đạt 28,44 tỷ USD, tăng 29,5% (tương ứng tăng 6,47 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2014.

Những đối tác chính nhập khẩu điện thoại các loại & linh kiện của Việt Nam trong 11 tháng qua là: EU với 9,48 tỷ USD, tăng 19,2% và chiếm 33,3% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là: Tiểu Vương Quốc Ảrập thống nhất: 4,26 tỷ USD, tăng 29,7%; Anh: 1,58 tỷ USD, tăng 51,6%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Hàng dệt may:** kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may trong 11 tháng/2015 đã vượt mốc 20 tỷ USD.

Xuất khẩu trong tháng đạt 1,71 tỷ USD, giảm 13,7% so với tháng trước (chủ yếu vì lý do thời vụ), qua đó nâng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 20,63 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2014 (tương ứng tăng 1,69 tỷ USD).

Trong 11 tháng qua, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ đạt 9,88 tỷ USD, tăng 11,7%; sang EU đạt 3,09 tỷ USD, tăng 3,5%; sang Nhật Bản đạt 2,53 tỷ USD, tăng 6,2% và sang Hàn Quốc đạt 1,98 tỷ USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước.

- **Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** kim ngạch xuất khẩu trong tháng 11/2015 là 1,51 tỷ USD, tăng 2,6% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, trị giá xuất khẩu nhóm hàng này đạt 14,31 tỷ USD, tăng 38,2%, trong đó, xuất khẩu sang EU đạt 2,9 tỷ USD, tăng 36,19%, sang Hoa Kỳ: 2,65 tỷ USD, tăng 35,12%; Trung Quốc: 2,38 tỷ USD, tăng 21,49%; Hồng Kông: 1,57 tỷ USD, tăng 95,23%... so với cùng kỳ năm trước.

- **Giày dép các loại:** kim ngạch xuất khẩu trong tháng đạt 1,1 tỷ USD, tăng 15,1% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, xuất khẩu nhóm hàng giày dép đạt 10,8 tỷ USD, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 3,67 tỷ USD, tăng 23,85% và chiếm 33,96% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước; tiếp theo là xuất khẩu sang thị trường EU đạt 3,63 tỷ USD, tăng 12,3%; sang Trung Quốc đạt gần 694 triệu USD, tăng 47,8%; sang Bỉ đạt gần 644 triệu USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** trong tháng 11/2015, xuất khẩu đạt gần 769 triệu USD giảm nhẹ 0,7% so với tháng trước, đưa tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 7,41 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, xuất khẩu nhóm hàng này sang Hoa Kỳ đạt gần 1,5 tỷ USD, tăng 28,71%; sang Nhật Bản: 1,28 tỷ USD, giảm 2,5%; sang Trung Quốc đạt gần 660 triệu USD, tăng 22,16% so với cùng kỳ năm trước.

- **Gỗ & sản phẩm gỗ:** xuất khẩu trong tháng đạt 598 triệu USD, giảm 5,8% so với tháng trước, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng/2015 lên 6,14 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, nhóm hàng gỗ & sản phẩm gỗ xuất sang Hoa Kỳ đạt 2,38 tỷ USD, tăng 17,8%; sang Nhật Bản gần 928 triệu USD tăng 6,97%; sang Trung Quốc là 831 triệu USD tăng 2,03% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Hàng thủy sản:** xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng đạt 601 triệu USD, giảm 11,1% so với tháng trước, qua đó nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng lên 6 tỷ USD, giảm 16,6% (tương ứng giảm gần 1,2 tỷ USD về số tuyệt đối) so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các thị trường chính trong 11 tháng/2015 đều suy giảm là: sang Hoa Kỳ đạt 1,2 tỷ USD, giảm 23,8%; sang EU đạt 1,06 tỷ USD, giảm 17,2%; sang Nhật Bản đạt 946 triệu USD, giảm 13,9%.

- **Dầu thô:** trong tháng lượng xuất khẩu là 668 nghìn tấn, giảm 12,3%, trị giá là 221 triệu USD, giảm 20% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng dầu thô xuất khẩu của cả nước đạt 8,35 triệu tấn, giảm 1,2% và kim ngạch đạt 3,48 tỷ USD, giảm 49% so với cùng kỳ năm trước.

Dầu thô của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang Trung Quốc: 1,76 triệu tấn, tăng 20,24%, sang Singapo: 1,2 triệu tấn, tăng 2 lần; sang Nhật Bản: 1,4 triệu tấn, giảm 17,2%; sang Malaixia: 1,36 triệu tấn, tăng 34,24% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Túi xách, ví, va li, mũ và ô dù:** trong tháng xuất khẩu mặt hàng này đạt 220 triệu USD, giảm 3,5% so với tháng trước, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 2,6 tỷ USD, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hoa Kỳ là đối tác chính nhập khẩu túi xách, ví, vali mũ và ô dù của Việt Nam trong 11 tháng/2015 với gần 1,1 tỷ USD, tăng 14,93% so với 11 tháng/2014, tiếp theo là EU với trị giá 675 triệu USD, tăng 12,24%; Nhật Bản là 281 triệu USD, tăng 11,1% .

- **Gạo:** xuất khẩu tháng 11/2015 đạt 711,6 nghìn tấn với trị giá đạt hơn 300 triệu USD, giảm 17,2% về lượng và 14,2% về trị giá so với tháng trước, Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu gạo của cả nước là 6,07 triệu tấn, giảm nhẹ 0,7% và trị giá đạt 2,58 tỷ USD, giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 tháng năm 2015, Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam với 2,02 triệu tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 33,4% tổng lượng xuất khẩu gạo của cả nước. Xuất khẩu gạo sang Philipin giảm 20% về lượng, đạt 1,05 triệu tấn; tiếp theo là Malaixia: 501 nghìn tấn, tăng 10,6%; Indônexia: 461 nghìn tấn, tăng 47,86%.

- **Xơ, sợi dệt các loại:** xuất khẩu mặt hàng này của cả nước trong tháng đạt hơn 80 nghìn tấn với trị giá đạt 205 triệu USD, tăng 0,9% về lượng giảm 1,3% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu nhóm hàng này đạt hơn 876 nghìn tấn, tăng 12,2% và trị giá đạt 2,32 tỷ USD, giảm nhẹ 0,1% so với cùng kỳ năm trước

Trong 11 tháng/2015, nhóm hàng xơ sợi dệt các loại xuất khẩu sang Trung Quốc đạt hơn 453 nghìn tấn tăng 27,8%; sang Hàn Quốc đạt 68 nghìn tấn, tăng 9,4%, sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 85,44 nghìn tấn, giảm 15,5% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Cà phê:** lượng cà phê xuất khẩu trong tháng 11/2015 là 96,16 nghìn tấn, trị giá đạt 181,5 triệu USD, tăng 8% về lượng và tăng 6,2% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng cà phê xuất khẩu của nước ta đạt 1,15 triệu tấn với trị giá 2,32 tỷ USD, giảm 27% về lượng và giảm 29,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2014.

- **Than đá:** lượng xuất khẩu than đá trong 11 tháng qua giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do suy giảm ở thị trường Trung Quốc

Xuất khẩu than đá của Việt Nam trong tháng là 93 nghìn tấn, giảm 13,7% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu than đá của cả nước là 1,68 triệu tấn, giảm 74,7%, với trị giá là 178 triệu USD, giảm 64,5% so với cùng kỳ năm trước.

Nếu như các năm trước, Trung Quốc luôn là đối tác lớn nhất nhập khẩu than đá của Việt Nam thì tính đến hết tháng 11 năm 2015 Nhật Bản trở thành đối tác hàng đầu của nước ta với lượng nhập khẩu đạt 630 nghìn tấn, giảm 23,3% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là Hàn Quốc đạt 262 nghìn tấn, giảm 76%.

#### **4. Một số mặt hàng nhập khẩu chính**

- **Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** trị giá nhập khẩu 11 tháng/2015 từ Hàn Quốc tăng mạnh (64,8%) so với cùng kỳ năm trước.

Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,2 tỷ USD, tăng 1,6% so với tháng trước, nâng trị giá nhập khẩu trong 11 tháng/2015 lên 25,11 tỷ USD, tăng mạnh 24,7% so với 11 tháng/2014. Khối doanh nghiệp FDI nhập khẩu 15,67 tỷ USD, tăng 28,9% trong khi khối doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 9,44 tỷ USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam trong 11 tháng qua với trị giá là 8,17 tỷ USD, tăng 15,7%; tiếp theo là các thị trường: Hàn Quốc: 4,68 tỷ USD, tăng mạnh 64,8%; Nhật Bản: 4,18 tỷ USD, tăng 26,6%; Đài Loan: 1,33 tỷ USD, tăng 4,1%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,04 tỷ USD, tăng 1,4% so với tháng trước. Tính trong 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 21,37 tỷ USD, tăng 26,3%; trong đó nhập khẩu của khu vực FDI là 19,64 tỷ USD, tăng 27,5% và nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước là 1,74 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hàn Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam với trị giá nhập khẩu là 6,28 tỷ USD, tăng 35%; tiếp theo là các thị trường: Trung Quốc: 4,78 tỷ USD, tăng 15,2%; Nhật Bản: 2,1 tỷ USD, tăng 23,8%; Đài Loan: hơn 2 tỷ USD, tăng mạnh 59,3%; Singapo: 1,7 tỷ USD, giảm 22%;... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Nhóm hàng nguyên, phụ liệu dệt may, da, giày:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 1,52 tỷ USD, giảm 4,1% so với tháng trước. Tính đến hết 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 16,82 tỷ USD nhóm hàng này, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, trị giá

vải nhập khẩu là 9,28 tỷ USD, tăng 7,9%; nguyên phụ liệu: 4,63 tỷ USD, tăng 7,8%; bông là 1,52 tỷ USD, tăng 13,7% và xơ sợi: 1,39 tỷ USD, giảm 2,3%.

Trong 11 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu nhóm mặt hàng này chủ yếu từ Trung Quốc với 6,98 tỷ USD, tăng 12,9%; tiếp theo là Hàn Quốc: 2,57 tỷ USD, giảm 1%; Đài Loan: 2,15 tỷ USD, tăng 3,5%... so với cùng kỳ năm trước.

- **Điện thoại các loại và linh kiện:** kim ngạch nhập khẩu trong tháng đạt 830 triệu USD giảm 15,2% so với tháng trước, đưa kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 11 tháng/2015 đạt mốc gần 10 tỷ USD, tăng 28,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Việt Nam nhập khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 chủ yếu từ các thị trường: Trung Quốc đạt 6,45 tỷ USD, tăng 11,46%; Hàn Quốc đạt 2,86 tỷ USD, tăng 79,45%...so với cùng kỳ năm 2014.

- **Sắt thép các loại:** lượng nhập khẩu trong tháng 11 ở mức 1,24 triệu tấn giảm 16,1%, với trị giá hơn 523 triệu USD giảm 9,2% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng sắt thép cả nước nhập về là 13,85 triệu tấn, tăng 33% nhưng đơn giá bình quân chỉ đạt 490USD/tấn - mức thấp nhất trong vòng 8 năm qua, giảm 26% nên trị giá là 6,79 tỷ USD, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2014.

Sắt thép các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua từ Trung Quốc là 8,44 triệu tấn, tăng mạnh 58,3% và chiếm 61% tổng lượng sắt thép cả nước nhập về; Nhật Bản: 2,29 triệu tấn, tăng 10,5%; Hàn Quốc: 1,62 triệu tấn, tăng 22,7%; Đài Loan: 1,07 triệu tấn, tăng 3,9%... so với 11 tháng/2014.

- **Sản phẩm từ sắt thép:** trong tháng 11/2015, cả nước nhập khẩu hơn 271 triệu USD, giảm 1,8% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước là 3,53 tỷ USD, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong 11 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này từ Trung Quốc với trị giá đạt 1,23 tỷ USD, tăng 32,6%; từ Hàn Quốc là hơn 968 triệu USD tăng 54,65% so với cùng kỳ năm trước,...

- **Chất dẻo nguyên liệu:** lượng nhập khẩu trong tháng 11/2015 là gần 367 nghìn tấn, trị giá đạt 515 triệu USD. Tính đến hết tháng 10/2015, tổng lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam là 3,52 triệu tấn, tăng 12,2%, kim ngạch nhập khẩu là 5,4 tỷ USD, giảm 6,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 tháng/ 2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này chủ yếu từ các thị trường: Hàn Quốc đạt 663 nghìn tấn, tăng 13,6%; Ả rập Xê út đạt 702 nghìn tấn, tăng 1,55%; Đài Loan đạt 525 nghìn tấn tăng 15,1%; Thái Lan đạt hơn 352 nghìn tấn, tăng 23,7%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Sản phẩm chất dẻo:** trong tháng 11/2015 sản phẩm từ chất dẻo nhập khẩu ở mức 321 triệu USD giảm 2,7% so với tháng trước. Nhập khẩu mặt hàng này đến trong 11 tháng/2015 đạt gần 3,43 tỷ USD tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước.



Việt Nam nhập khẩu mặt hàng sản phẩm chất dẻo từ Hàn Quốc trong 11 tháng/2015 là 1,04 tỷ USD, tăng 32,3 % so với cùng kỳ năm 2014; Trung Quốc là hơn 992 triệu USD, tăng 35,8%; Nhật Bản là hơn 572 triệu USD tăng nhẹ 1,14%,...

- **Xăng dầu các loại:** tháng 11/2015, đơn giá nhập khẩu bình quân nhóm hàng này đạt 454 USD/tấn - mức thấp nhất gần 7 năm qua, giảm 3,8% so với tháng trước. Lượng nhập khẩu là 958 nghìn tấn, cũng suy giảm 3,3% nên trị giá nhập khẩu nhóm hàng này là 449 triệu USD, giảm 7% so với tháng trước.

Tính đến hết 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 9,04 triệu tấn với trị giá là 4,92 tỷ USD, tăng 16,6% về lượng và giảm 30,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này giảm 2,17 tỷ USD; trong đó do giá giảm lên tới 3,35 tỷ USD.

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Singapo với 3,45 triệu tấn, tăng 41%; đặc biệt nhập khẩu từ Thái Lan với 2,03 triệu tấn, tăng 186%; Trung Quốc: 1,46 triệu tấn, giảm 6,1%; Đài Loan: 779 nghìn tấn, giảm 33%...so với cùng kỳ năm 2014.

- **Thức ăn gia súc và nguyên liệu:** trong tháng 11/2015, kim ngạch nhập khẩu đạt 234 triệu USD, nâng tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 11 tháng đầu năm đạt 3,05 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu từ Ác-hen-tina đạt 1,3 tỷ USD, tăng 8,14%; từ Hoa Kỳ là hơn 400 triệu USD, tăng 6,9%; từ Braxin là hơn 256 triệu USD, tăng 21% so với cùng kỳ 2014.

### **TỔNG QUAN SỐ LIỆU THỐNG KÊ HẢI QUAN VỀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2015**

<b>Stt</b>		<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số sơ bộ</b>
(A)		(B)	(C)
<b>I</b>		<b>Xuất khẩu hàng hoá (XK)</b>	
1	I.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	13.894
2	I.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-2,9
3	I.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 11/2014 (%)	10,3

4	I.4	Tổng kim ngạch xuất khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	148,239
5	I.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	7,9
<b>II</b>		<b>Nhập khẩu hàng hoá (NK)</b>	
6	II.1	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	13.631
7	II.2	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-1,3
8	II.3	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2014 (%)	4,7
9	II.4	Tổng kim ngạch nhập khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	151.109
10	II.5	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	12,7
<b>III</b>		<b>Tổng kim ngạch XNK hàng hoá (XK+NK)</b>	
11	III.1	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	27.525
12	III.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-2,1
13	III.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2014 (%)	7,5
14	III.4	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	299.348
15	III.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	10,3
<b>IV</b>		<b>Cán cân Thương mại hàng hoá (XK-NK)</b>	
16	IV.1	Cán cân thương mại tháng 11/2015 (Triệu USD)	263

17	IV.2	Cán cân thương mại 11 tháng/2015 (Triệu USD)	-2.870
----	------	--	--------

## Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 11 và 11 tháng năm 2015

Thông kê Hải quan 17/12/2015 4:00 PM

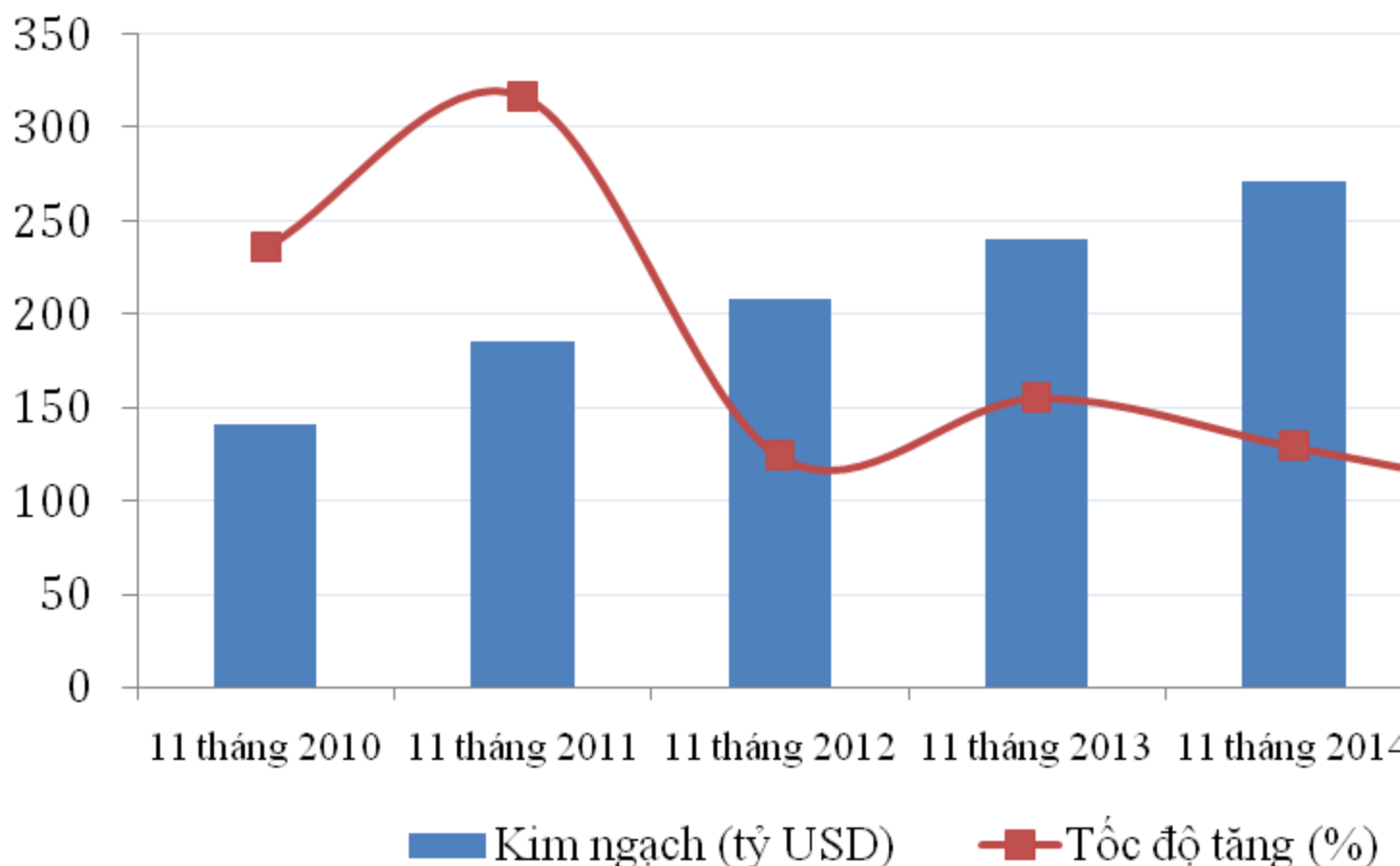
### 1. Đánh giá chung

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước trong tháng 11/2015 đạt gần 27,52 tỷ USD, giảm 2,1% so với tháng trước; trong đó trị giá xuất khẩu là 13,89 tỷ USD, giảm 2,9% và trị giá nhập khẩu là 13,63 tỷ USD, giảm 1,3%. Trong tháng 11/2015, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 263 triệu USD, là tháng xuất siêu thứ 4 trong năm 2015.

*Trong 11 tháng/2015, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt gần 299,35 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất hàng hóa đạt 148,24 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước và nhập khẩu hàng hóa là 151,11 tỷ USD, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến hết tháng 11/2015, cán cân thương mại hàng hóa thâm hụt 2,87 tỷ USD, tương đương 1,9% tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa của cả nước (ngược lại so với xu hướng thặng dư 3,3 tỷ của 11 tháng/2014).*

### **Biểu đồ 1: Tổng kim ngạch và tốc độ tăng xuất nhập khẩu hàng hóa trong 11 tháng tính từ đầu năm, giai đoạn 2010-2015**

## Kim ngạch (tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

- Xét theo khối doanh nghiệp, nhập siêu trong 11 tháng/2015 là từ khối các doanh nghiệp có vốn hoàn toàn trong nước (doanh nghiệp trong nước) với mức thâm hụt 14,91 tỷ USD (xuất khẩu đạt 46,71 tỷ USD, giảm 9,4% và nhập khẩu là 61,6 tỷ USD, tăng 6,8%).

- Khối các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong 11 tháng/2015 xuất siêu 12,04 tỷ USD với trị giá xuất khẩu đạt 101,53 tỷ USD, tăng 18,3% và nhập khẩu đạt 89,48 tỷ USD, tăng 17,2%.

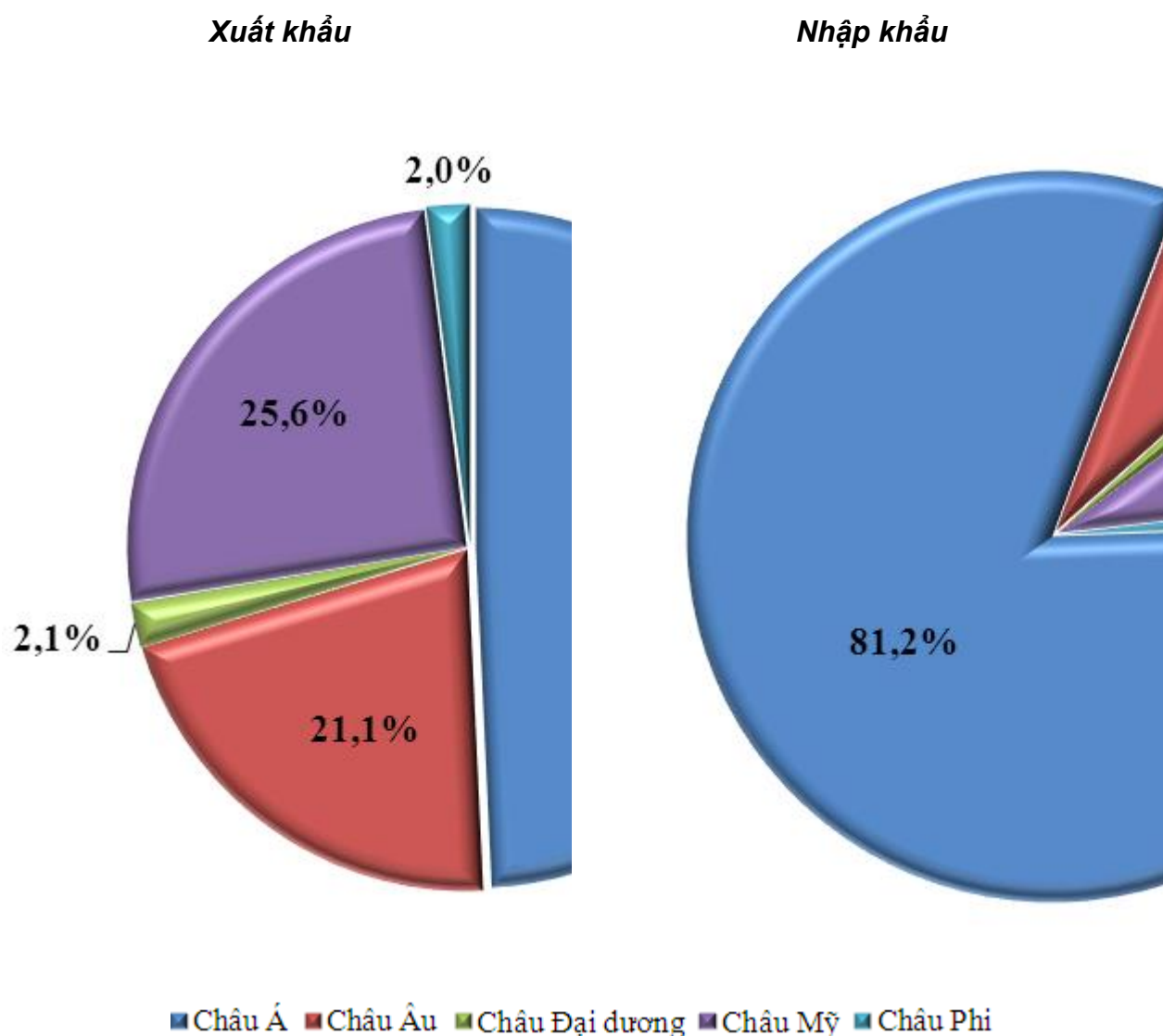
## 2. Thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa

**Kết thúc 11 tháng/2015, trao đổi thương mại hàng hóa của Việt Nam với hầu hết các châu lục đều tăng so với cùng kỳ năm 2014 (trừ Châu Đại Dương), trong đó tăng mạnh nhất ở Châu Mỹ (tăng 19,3%) và Châu Phi (tăng 10,9%).**

Tổng trị giá trao đổi hàng hóa của Việt Nam với châu Á 11 tháng/2015 đạt 195,78 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2014 và là châu lục chiếm tỷ trọng cao nhất (65,4%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước.

Tiếp theo là xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước châu Mỹ đạt kim ngạch 50,55 tỷ USD, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước; với châu Âu đạt 42,85 tỷ USD, tăng 10,5%; châu Đại Dương đạt 5,34 tỷ USD, giảm 16,6%; châu Phi đạt 4,83 tỷ USD, tăng 10,9%.

**Biểu đồ 3: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với các Châu lục 11 tháng/2015**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

### 3. Một số mặt hàng xuất khẩu chính

- **Điện thoại các loại & linh kiện:** xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 11 đạt 2,78 tỷ USD, tăng 4,4% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này đạt 28,44 tỷ USD, tăng 29,5% (tương ứng tăng 6,47 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2014.

Những đối tác chính nhập khẩu điện thoại các loại & linh kiện của Việt Nam trong 11 tháng qua là: EU với 9,48 tỷ USD, tăng 19,2% và chiếm 33,3% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là: Tiểu Vương Quốc Ảrập thống nhất: 4,26 tỷ USD, tăng 29,7%; Anh: 1,58 tỷ USD, tăng 51,6%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Hàng dệt may:** kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may trong 11 tháng/2015 đã vượt mốc 20 tỷ USD.

Xuất khẩu trong tháng đạt 1,71 tỷ USD, giảm 13,7% so với tháng trước (chủ yếu vì lý do thời vụ), qua đó nâng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 20,63 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2014 (tương ứng tăng 1,69 tỷ USD).

Trong 11 tháng qua, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ đạt 9,88 tỷ USD, tăng 11,7%; sang EU đạt 3,09 tỷ USD, tăng 3,5%; sang Nhật Bản đạt 2,53 tỷ USD, tăng 6,2% và sang Hàn Quốc đạt 1,98 tỷ USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước.

- **Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** kim ngạch xuất khẩu trong tháng 11/2015 là 1,51 tỷ USD, tăng 2,6% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, trị giá xuất khẩu nhóm hàng này đạt 14,31 tỷ USD, tăng 38,2%, trong đó, xuất khẩu sang EU đạt 2,9 tỷ USD, tăng 36,19%, sang Hoa Kỳ: 2,65 tỷ USD, tăng 35,12%; Trung Quốc: 2,38 tỷ USD, tăng 21,49%; Hồng Kông: 1,57 tỷ USD, tăng 95,23%... so với cùng kỳ năm trước.

- **Giày dép các loại:** kim ngạch xuất khẩu trong tháng đạt 1,1 tỷ USD, tăng 15,1% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, xuất khẩu nhóm hàng giày dép đạt 10,8 tỷ USD, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 3,67 tỷ USD, tăng 23,85% và chiếm 33,96% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước; tiếp theo là xuất khẩu sang thị trường EU đạt 3,63 tỷ USD, tăng 12,3%; sang Trung Quốc đạt gần 694 triệu USD, tăng 47,8%; sang Bỉ đạt gần 644 triệu USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** trong tháng 11/2015, xuất khẩu đạt gần 769 triệu USD giảm nhẹ 0,7% so với tháng trước, đưa tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 7,41 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, xuất khẩu nhóm hàng này sang Hoa Kỳ đạt gần 1,5 tỷ USD, tăng 28,71%; sang Nhật Bản: 1,28 tỷ USD, giảm 2,5%; sang Trung Quốc đạt gần 660 triệu USD, tăng 22,16% so với cùng kỳ năm trước.

- **Gỗ & sản phẩm gỗ:** xuất khẩu trong tháng đạt 598 triệu USD, giảm 5,8% so với tháng trước, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng/2015 lên 6,14 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, nhóm hàng gỗ & sản phẩm gỗ xuất sang Hoa Kỳ đạt 2,38 tỷ USD, tăng 17,8%; sang Nhật Bản gần 928 triệu USD tăng 6,97%; sang Trung Quốc là 831 triệu USD tăng 2,03% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Hàng thủy sản:** xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng đạt 601 triệu USD, giảm 11,1% so với tháng trước, qua đó nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng lên 6 tỷ USD, giảm 16,6% (tương ứng giảm gần 1,2 tỷ USD về số tuyệt đối) so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các thị trường chính trong 11 tháng/2015 đều suy giảm là: sang Hoa Kỳ đạt 1,2 tỷ USD, giảm 23,8%; sang EU đạt 1,06 tỷ USD, giảm 17,2%; sang Nhật Bản đạt 946 triệu USD, giảm 13,9%.

- **Dầu thô:** trong tháng lượng xuất khẩu là 668 nghìn tấn, giảm 12,3%, trị giá là 221 triệu USD, giảm 20% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng dầu thô xuất khẩu của cả nước đạt 8,35 triệu tấn, giảm 1,2% và kim ngạch đạt 3,48 tỷ USD, giảm 49% so với cùng kỳ năm trước.

Dầu thô của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang Trung Quốc: 1,76 triệu tấn, tăng 20,24%, sang Singapo: 1,2 triệu tấn, tăng 2 lần; sang Nhật Bản: 1,4 triệu tấn, giảm 17,2%; sang Malaixia: 1,36 triệu tấn, tăng 34,24% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Túi xách, ví, va li, mũ và ô dù:** trong tháng xuất khẩu mặt hàng này đạt 220 triệu USD, giảm 3,5% so với tháng trước, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 2,6 tỷ USD, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hoa Kỳ là đối tác chính nhập khẩu túi xách, ví, vali mũ và ô dù của Việt Nam trong 11 tháng/2015 với gần 1,1 tỷ USD, tăng 14,93% so với 11 tháng/2014, tiếp theo là EU với trị giá 675 triệu USD, tăng 12,24%; Nhật Bản là 281 triệu USD, tăng 11,1% .

- **Gạo:** xuất khẩu tháng 11/2015 đạt 711,6 nghìn tấn với trị giá đạt hơn 300 triệu USD, giảm 17,2% về lượng và 14,2% về trị giá so với tháng trước, Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu gạo của cả nước là 6,07 triệu tấn, giảm nhẹ 0,7% và trị giá đạt 2,58 tỷ USD, giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 tháng năm 2015, Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam với 2,02 triệu tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 33,4% tổng lượng xuất khẩu gạo của cả nước. Xuất khẩu gạo sang Philipin giảm 20% về lượng, đạt 1,05 triệu tấn; tiếp theo là Malaixia: 501 nghìn tấn, tăng 10,6%; Indônexia: 461 nghìn tấn, tăng 47,86%.

- **Xơ, sợi dệt các loại:** xuất khẩu mặt hàng này của cả nước trong tháng đạt hơn 80 nghìn tấn với trị giá đạt 205 triệu USD, tăng 0,9% về lượng giảm 1,3% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu nhóm hàng này đạt hơn 876 nghìn tấn, tăng 12,2% và trị giá đạt 2,32 tỷ USD, giảm nhẹ 0,1% so với cùng kỳ năm trước

Trong 11 tháng/2015, nhóm hàng xơ sợi dệt các loại xuất khẩu sang Trung Quốc đạt hơn 453 nghìn tấn tăng 27,8%; sang Hàn Quốc đạt 68 nghìn tấn, tăng 9,4%, sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 85,44 nghìn tấn, giảm 15,5% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Cà phê:** lượng cà phê xuất khẩu trong tháng 11/2015 là 96,16 nghìn tấn, trị giá đạt 181,5 triệu USD, tăng 8% về lượng và tăng 6,2% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng cà phê xuất khẩu của nước ta đạt 1,15 triệu tấn với trị giá 2,32 tỷ USD, giảm 27% về lượng và giảm 29,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2014.

- **Than đá:** lượng xuất khẩu than đá trong 11 tháng qua giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do suy giảm ở thị trường Trung Quốc

Xuất khẩu than đá của Việt Nam trong tháng là 93 nghìn tấn, giảm 13,7% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu than đá của cả nước là 1,68 triệu tấn, giảm 74,7%, với trị giá là 178 triệu USD, giảm 64,5% so với cùng kỳ năm trước.

Nếu như các năm trước, Trung Quốc luôn là đối tác lớn nhất nhập khẩu than đá của Việt Nam thì tính đến hết tháng 11 năm 2015 Nhật Bản trở thành đối tác hàng đầu của nước ta với lượng nhập khẩu đạt 630 nghìn tấn, giảm 23,3% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là Hàn Quốc đạt 262 nghìn tấn, giảm 76%.

#### **4. Một số mặt hàng nhập khẩu chính**

- **Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** trị giá nhập khẩu 11 tháng/2015 từ Hàn Quốc tăng mạnh (64,8%) so với cùng kỳ năm trước.

Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,2 tỷ USD, tăng 1,6% so với tháng trước, nâng trị giá nhập khẩu trong 11 tháng/2015 lên 25,11 tỷ USD, tăng mạnh 24,7% so với 11 tháng/2014. Khối doanh nghiệp FDI nhập khẩu 15,67 tỷ USD, tăng 28,9% trong khi khối doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 9,44 tỷ USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam trong 11 tháng qua với trị giá là 8,17 tỷ USD, tăng 15,7%; tiếp theo là các thị trường: Hàn Quốc: 4,68 tỷ USD, tăng mạnh 64,8%; Nhật Bản: 4,18 tỷ USD, tăng 26,6%; Đài Loan: 1,33 tỷ USD, tăng 4,1%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,04 tỷ USD, tăng 1,4% so với tháng trước. Tính trong 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 21,37 tỷ USD, tăng 26,3%; trong đó nhập khẩu của khu vực FDI là 19,64 tỷ USD, tăng 27,5% và nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước là 1,74 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hàn Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam với trị giá nhập khẩu là 6,28 tỷ USD, tăng 35%; tiếp theo là các thị trường: Trung Quốc: 4,78 tỷ USD, tăng 15,2%; Nhật Bản: 2,1 tỷ USD, tăng 23,8%; Đài Loan: hơn 2 tỷ USD, tăng mạnh 59,3%; Singapo: 1,7 tỷ USD, giảm 22%;... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Nhóm hàng nguyên, phụ liệu dệt may, da, giày:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 1,52 tỷ USD, giảm 4,1% so với tháng trước. Tính đến hết 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 16,82 tỷ USD nhóm hàng này, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, trị giá



vải nhập khẩu là 9,28 tỷ USD, tăng 7,9%; nguyên phụ liệu: 4,63 tỷ USD, tăng 7,8%; bông là 1,52 tỷ USD, tăng 13,7% và xơ sợi: 1,39 tỷ USD, giảm 2,3%.

Trong 11 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu nhóm mặt hàng này chủ yếu từ Trung Quốc với 6,98 tỷ USD, tăng 12,9%; tiếp theo là Hàn Quốc: 2,57 tỷ USD, giảm 1%; Đài Loan: 2,15 tỷ USD, tăng 3,5%... so với cùng kỳ năm trước.

- **Điện thoại các loại và linh kiện:** kim ngạch nhập khẩu trong tháng đạt 830 triệu USD giảm 15,2% so với tháng trước, đưa kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 11 tháng/2015 đạt mốc gần 10 tỷ USD, tăng 28,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Việt Nam nhập khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 chủ yếu từ các thị trường: Trung Quốc đạt 6,45 tỷ USD, tăng 11,46%; Hàn Quốc đạt 2,86 tỷ USD, tăng 79,45%...so với cùng kỳ năm 2014.

- **Sắt thép các loại:** lượng nhập khẩu trong tháng 11 ở mức 1,24 triệu tấn giảm 16,1%, với trị giá hơn 523 triệu USD giảm 9,2% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng sắt thép cả nước nhập về là 13,85 triệu tấn, tăng 33% nhưng đơn giá bình quân chỉ đạt 490USD/tấn - mức thấp nhất trong vòng 8 năm qua, giảm 26% nên trị giá là 6,79 tỷ USD, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2014.

Sắt thép các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua từ Trung Quốc là 8,44 triệu tấn, tăng mạnh 58,3% và chiếm 61% tổng lượng sắt thép cả nước nhập về; Nhật Bản: 2,29 triệu tấn, tăng 10,5%; Hàn Quốc: 1,62 triệu tấn, tăng 22,7%; Đài Loan: 1,07 triệu tấn, tăng 3,9%... so với 11 tháng/2014.

- **Sản phẩm từ sắt thép:** trong tháng 11/2015, cả nước nhập khẩu hơn 271 triệu USD, giảm 1,8% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước là 3,53 tỷ USD, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong 11 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này từ Trung Quốc với trị giá đạt 1,23 tỷ USD, tăng 32,6%; từ Hàn Quốc là hơn 968 triệu USD tăng 54,65% so với cùng kỳ năm trước,...

- **Chất dẻo nguyên liệu:** lượng nhập khẩu trong tháng 11/2015 là gần 367 nghìn tấn, trị giá đạt 515 triệu USD. Tính đến hết tháng 10/2015, tổng lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam là 3,52 triệu tấn, tăng 12,2%, kim ngạch nhập khẩu là 5,4 tỷ USD, giảm 6,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 tháng/ 2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này chủ yếu từ các thị trường: Hàn Quốc đạt 663 nghìn tấn, tăng 13,6%; Ả rập Xê út đạt 702 nghìn tấn, tăng 1,55%; Đài Loan đạt 525 nghìn tấn tăng 15,1%; Thái Lan đạt hơn 352 nghìn tấn, tăng 23,7%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Sản phẩm chất dẻo:** trong tháng 11/2015 sản phẩm từ chất dẻo nhập khẩu ở mức 321 triệu USD giảm 2,7% so với tháng trước. Nhập khẩu mặt hàng này đến trong 11 tháng/2015 đạt gần 3,43 tỷ USD tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước.

Việt Nam nhập khẩu mặt hàng sản phẩm chất dẻo từ Hàn Quốc trong 11 tháng/2015 là 1,04 tỷ USD, tăng 32,3 % so với cùng kỳ năm 2014; Trung Quốc là hơn 992 triệu USD, tăng 35,8%; Nhật Bản là hơn 572 triệu USD tăng nhẹ 1,14%,...

- **Xăng dầu các loại:** tháng 11/2015, đơn giá nhập khẩu bình quân nhóm hàng này đạt 454 USD/tấn - mức thấp nhất gần 7 năm qua, giảm 3,8% so với tháng trước. Lượng nhập khẩu là 958 nghìn tấn, cũng suy giảm 3,3% nên trị giá nhập khẩu nhóm hàng này là 449 triệu USD, giảm 7% so với tháng trước.

Tính đến hết 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 9,04 triệu tấn với trị giá là 4,92 tỷ USD, tăng 16,6% về lượng và giảm 30,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này giảm 2,17 tỷ USD; trong đó do giá giảm lên tới 3,35 tỷ USD.

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Singapo với 3,45 triệu tấn, tăng 41%; đặc biệt nhập khẩu từ Thái Lan với 2,03 triệu tấn, tăng 186%; Trung Quốc: 1,46 triệu tấn, giảm 6,1%; Đài Loan: 779 nghìn tấn, giảm 33%...so với cùng kỳ năm 2014.

- **Thức ăn gia súc và nguyên liệu:** trong tháng 11/2015, kim ngạch nhập khẩu đạt 234 triệu USD, nâng tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 11 tháng đầu năm đạt 3,05 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu từ Ác-hen-tina đạt 1,3 tỷ USD, tăng 8,14%; từ Hoa Kỳ là hơn 400 triệu USD, tăng 6,9%; từ Braxin là hơn 256 triệu USD, tăng 21% so với cùng kỳ 2014.

## **TỔNG QUAN SỐ LIỆU THỐNG KÊ HẢI QUAN VỀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2015**

<b>Stt</b>		<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số sơ bộ</b>
(A)		(B)	(C)
<b>I</b>		<b>Xuất khẩu hàng hoá (XK)</b>	
1	I.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	13.894
2	I.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-2,9
3	I.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 11/2014 (%)	10,3

4	I.4	Tổng kim ngạch xuất khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	148,239
5	I.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	7,9
<b>II</b>		<b>Nhập khẩu hàng hoá (NK)</b>	
6	II.1	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	13.631
7	II.2	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-1,3
8	II.3	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2014 (%)	4,7
9	II.4	Tổng kim ngạch nhập khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	151.109
10	II.5	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	12,7
<b>III</b>		<b>Tổng kim ngạch XNK hàng hoá (XK+NK)</b>	
11	III.1	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	27.525
12	III.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-2,1
13	III.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2014 (%)	7,5
14	III.4	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	299.348
15	III.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	10,3
<b>IV</b>		<b>Cán cân Thương mại hàng hoá (XK-NK)</b>	
16	IV.1	Cán cân thương mại tháng 11/2015 (Triệu USD)	263

17	IV.2	Cán cân thương mại 11 tháng/2015 (Triệu USD)	-2.870
----	------	--	--------

## Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 11 và 11 tháng năm 2015

Thông kê Hải quan 17/12/2015 4:00 PM

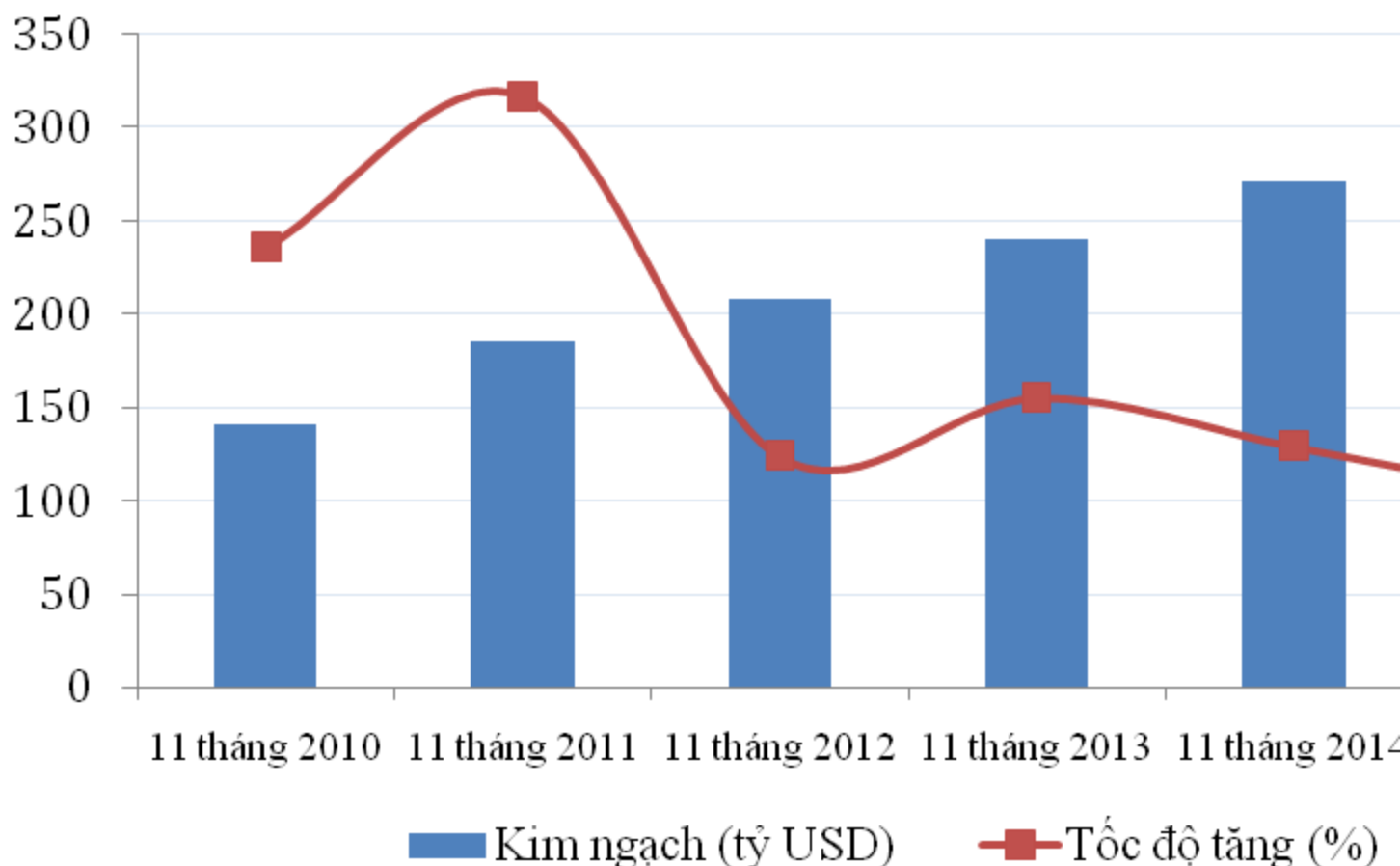
### 1. Đánh giá chung

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước trong tháng 11/2015 đạt gần 27,52 tỷ USD, giảm 2,1% so với tháng trước; trong đó trị giá xuất khẩu là 13,89 tỷ USD, giảm 2,9% và trị giá nhập khẩu là 13,63 tỷ USD, giảm 1,3%. Trong tháng 11/2015, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 263 triệu USD, là tháng xuất siêu thứ 4 trong năm 2015.

*Trong 11 tháng/2015, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt gần 299,35 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất hàng hóa đạt 148,24 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước và nhập khẩu hàng hóa là 151,11 tỷ USD, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính đến hết tháng 11/2015, cán cân thương mại hàng hóa thâm hụt 2,87 tỷ USD, tương đương 1,9% tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa của cả nước (ngược lại so với xu hướng thặng dư 3,3 tỷ của 11 tháng/2014).*

### **Biểu đồ 1: Tổng kim ngạch và tốc độ tăng xuất nhập khẩu hàng hóa trong 11 tháng tính từ đầu năm, giai đoạn 2010-2015**

## Kim ngạch (tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

- Xét theo khối doanh nghiệp, nhập siêu trong 11 tháng/2015 là từ khối các doanh nghiệp có vốn hoàn toàn trong nước (doanh nghiệp trong nước) với mức thâm hụt 14,91 tỷ USD (xuất khẩu đạt 46,71 tỷ USD, giảm 9,4% và nhập khẩu là 61,6 tỷ USD, tăng 6,8%).

- Khối các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong 11 tháng/2015 xuất siêu 12,04 tỷ USD với trị giá xuất khẩu đạt 101,53 tỷ USD, tăng 18,3% và nhập khẩu đạt 89,48 tỷ USD, tăng 17,2%.

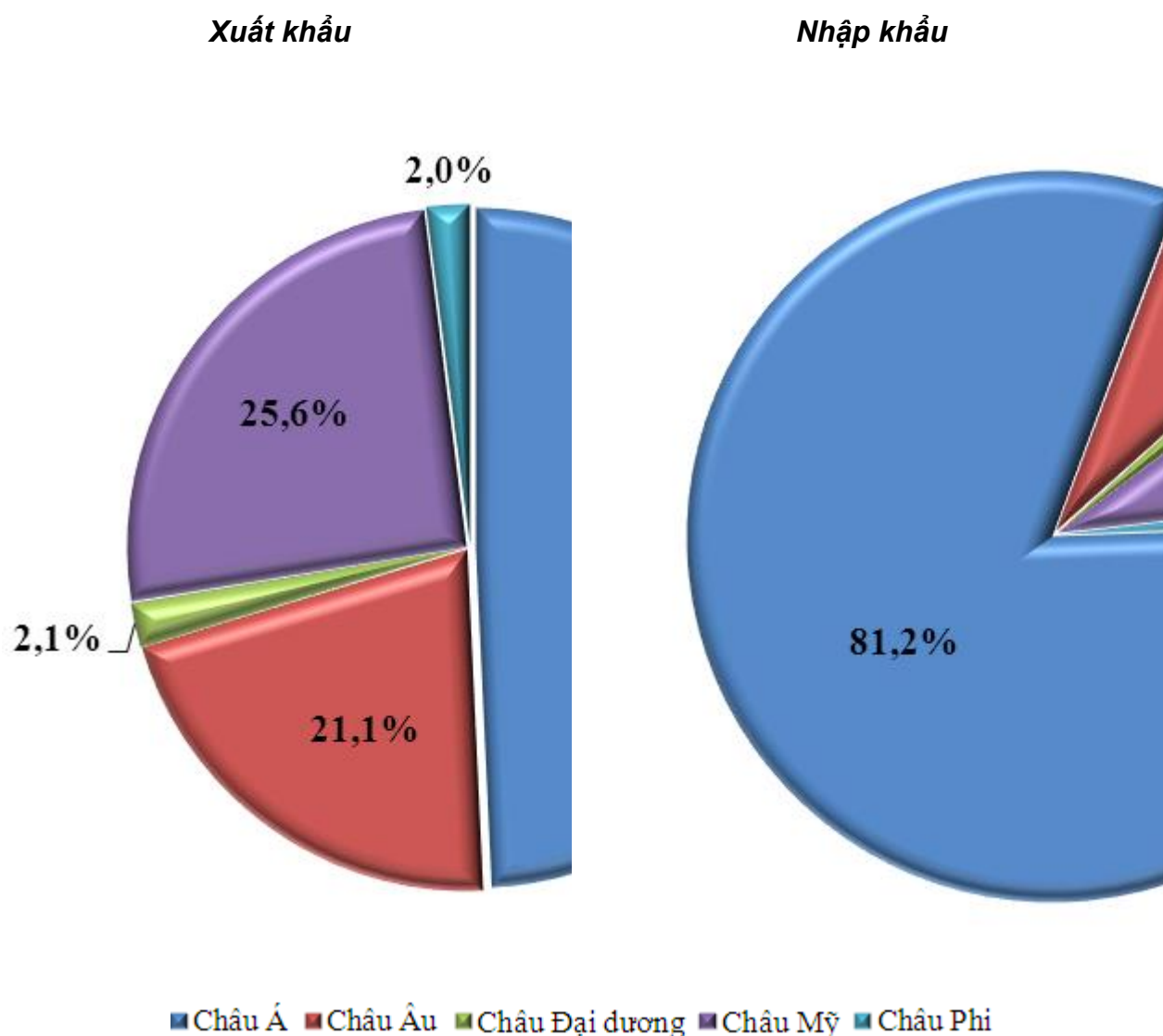
## 2. Thị trường xuất nhập khẩu hàng hóa

**Kết thúc 11 tháng/2015, trao đổi thương mại hàng hóa của Việt Nam với hầu hết các châu lục đều tăng so với cùng kỳ năm 2014 (trừ Châu Đại Dương), trong đó tăng mạnh nhất ở Châu Mỹ (tăng 19,3%) và Châu Phi (tăng 10,9%).**

Tổng trị giá trao đổi hàng hóa của Việt Nam với châu Á 11 tháng/2015 đạt 195,78 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2014 và là châu lục chiếm tỷ trọng cao nhất (65,4%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước.

Tiếp theo là xuất nhập khẩu giữa Việt Nam với các nước châu Mỹ đạt kim ngạch 50,55 tỷ USD, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước; với châu Âu đạt 42,85 tỷ USD, tăng 10,5%; châu Đại Dương đạt 5,34 tỷ USD, giảm 16,6%; châu Phi đạt 4,83 tỷ USD, tăng 10,9%.

**Biểu đồ 3: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam với các Châu lục 11 tháng/2015**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

### 3. Một số mặt hàng xuất khẩu chính

- **Điện thoại các loại & linh kiện:** xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 11 đạt 2,78 tỷ USD, tăng 4,4% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này đạt 28,44 tỷ USD, tăng 29,5% (tương ứng tăng 6,47 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2014.

Những đối tác chính nhập khẩu điện thoại các loại & linh kiện của Việt Nam trong 11 tháng qua là: EU với 9,48 tỷ USD, tăng 19,2% và chiếm 33,3% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là: Tiểu Vương Quốc Ảrập thống nhất: 4,26 tỷ USD, tăng 29,7%; Anh: 1,58 tỷ USD, tăng 51,6%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Hàng dệt may:** kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may trong 11 tháng/2015 đã vượt mốc 20 tỷ USD.

Xuất khẩu trong tháng đạt 1,71 tỷ USD, giảm 13,7% so với tháng trước (chủ yếu vì lý do thời vụ), qua đó nâng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 20,63 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2014 (tương ứng tăng 1,69 tỷ USD).

Trong 11 tháng qua, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ đạt 9,88 tỷ USD, tăng 11,7%; sang EU đạt 3,09 tỷ USD, tăng 3,5%; sang Nhật Bản đạt 2,53 tỷ USD, tăng 6,2% và sang Hàn Quốc đạt 1,98 tỷ USD, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước.

- **Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** kim ngạch xuất khẩu trong tháng 11/2015 là 1,51 tỷ USD, tăng 2,6% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, trị giá xuất khẩu nhóm hàng này đạt 14,31 tỷ USD, tăng 38,2%, trong đó, xuất khẩu sang EU đạt 2,9 tỷ USD, tăng 36,19%, sang Hoa Kỳ: 2,65 tỷ USD, tăng 35,12%; Trung Quốc: 2,38 tỷ USD, tăng 21,49%; Hồng Kông: 1,57 tỷ USD, tăng 95,23%... so với cùng kỳ năm trước.

- **Giày dép các loại:** kim ngạch xuất khẩu trong tháng đạt 1,1 tỷ USD, tăng 15,1% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, xuất khẩu nhóm hàng giày dép đạt 10,8 tỷ USD, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 3,67 tỷ USD, tăng 23,85% và chiếm 33,96% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước; tiếp theo là xuất khẩu sang thị trường EU đạt 3,63 tỷ USD, tăng 12,3%; sang Trung Quốc đạt gần 694 triệu USD, tăng 47,8%; sang Bỉ đạt gần 644 triệu USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** trong tháng 11/2015, xuất khẩu đạt gần 769 triệu USD giảm nhẹ 0,7% so với tháng trước, đưa tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 7,41 tỷ USD, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, xuất khẩu nhóm hàng này sang Hoa Kỳ đạt gần 1,5 tỷ USD, tăng 28,71%; sang Nhật Bản: 1,28 tỷ USD, giảm 2,5%; sang Trung Quốc đạt gần 660 triệu USD, tăng 22,16% so với cùng kỳ năm trước.

- **Gỗ & sản phẩm gỗ:** xuất khẩu trong tháng đạt 598 triệu USD, giảm 5,8% so với tháng trước, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng/2015 lên 6,14 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, nhóm hàng gỗ & sản phẩm gỗ xuất sang Hoa Kỳ đạt 2,38 tỷ USD, tăng 17,8%; sang Nhật Bản gần 928 triệu USD tăng 6,97%; sang Trung Quốc là 831 triệu USD tăng 2,03% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Hàng thủy sản:** xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng đạt 601 triệu USD, giảm 11,1% so với tháng trước, qua đó nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 11 tháng lên 6 tỷ USD, giảm 16,6% (tương ứng giảm gần 1,2 tỷ USD về số tuyệt đối) so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang các thị trường chính trong 11 tháng/2015 đều suy giảm là: sang Hoa Kỳ đạt 1,2 tỷ USD, giảm 23,8%; sang EU đạt 1,06 tỷ USD, giảm 17,2%; sang Nhật Bản đạt 946 triệu USD, giảm 13,9%.

- **Dầu thô:** trong tháng lượng xuất khẩu là 668 nghìn tấn, giảm 12,3%, trị giá là 221 triệu USD, giảm 20% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng dầu thô xuất khẩu của cả nước đạt 8,35 triệu tấn, giảm 1,2% và kim ngạch đạt 3,48 tỷ USD, giảm 49% so với cùng kỳ năm trước.

Dầu thô của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang Trung Quốc: 1,76 triệu tấn, tăng 20,24%, sang Singapo: 1,2 triệu tấn, tăng 2 lần; sang Nhật Bản: 1,4 triệu tấn, giảm 17,2%; sang Malaixia: 1,36 triệu tấn, tăng 34,24% so với cùng kỳ năm 2014.

- **Túi xách, ví, va li, mũ và ô dù:** trong tháng xuất khẩu mặt hàng này đạt 220 triệu USD, giảm 3,5% so với tháng trước, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 lên 2,6 tỷ USD, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hoa Kỳ là đối tác chính nhập khẩu túi xách, ví, vali mũ và ô dù của Việt Nam trong 11 tháng/2015 với gần 1,1 tỷ USD, tăng 14,93% so với 11 tháng/2014, tiếp theo là EU với trị giá 675 triệu USD, tăng 12,24%; Nhật Bản là 281 triệu USD, tăng 11,1% .

- **Gạo:** xuất khẩu tháng 11/2015 đạt 711,6 nghìn tấn với trị giá đạt hơn 300 triệu USD, giảm 17,2% về lượng và 14,2% về trị giá so với tháng trước, Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu gạo của cả nước là 6,07 triệu tấn, giảm nhẹ 0,7% và trị giá đạt 2,58 tỷ USD, giảm 7,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 tháng năm 2015, Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam với 2,02 triệu tấn, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 33,4% tổng lượng xuất khẩu gạo của cả nước. Xuất khẩu gạo sang Philipin giảm 20% về lượng, đạt 1,05 triệu tấn; tiếp theo là Malaixia: 501 nghìn tấn, tăng 10,6%; Indônexia: 461 nghìn tấn, tăng 47,86%.

- **Xơ, sợi dệt các loại:** xuất khẩu mặt hàng này của cả nước trong tháng đạt hơn 80 nghìn tấn với trị giá đạt 205 triệu USD, tăng 0,9% về lượng giảm 1,3% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu nhóm hàng này đạt hơn 876 nghìn tấn, tăng 12,2% và trị giá đạt 2,32 tỷ USD, giảm nhẹ 0,1% so với cùng kỳ năm trước

Trong 11 tháng/2015, nhóm hàng xơ sợi dệt các loại xuất khẩu sang Trung Quốc đạt hơn 453 nghìn tấn tăng 27,8%; sang Hàn Quốc đạt 68 nghìn tấn, tăng 9,4%, sang Thổ Nhĩ Kỳ đạt 85,44 nghìn tấn, giảm 15,5% so với cùng kỳ năm 2014.



- **Cà phê:** lượng cà phê xuất khẩu trong tháng 11/2015 là 96,16 nghìn tấn, trị giá đạt 181,5 triệu USD, tăng 8% về lượng và tăng 6,2% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng cà phê xuất khẩu của nước ta đạt 1,15 triệu tấn với trị giá 2,32 tỷ USD, giảm 27% về lượng và giảm 29,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2014.

- **Than đá:** lượng xuất khẩu than đá trong 11 tháng qua giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do suy giảm ở thị trường Trung Quốc

Xuất khẩu than đá của Việt Nam trong tháng là 93 nghìn tấn, giảm 13,7% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng xuất khẩu than đá của cả nước là 1,68 triệu tấn, giảm 74,7%, với trị giá là 178 triệu USD, giảm 64,5% so với cùng kỳ năm trước.

Nếu như các năm trước, Trung Quốc luôn là đối tác lớn nhất nhập khẩu than đá của Việt Nam thì tính đến hết tháng 11 năm 2015 Nhật Bản trở thành đối tác hàng đầu của nước ta với lượng nhập khẩu đạt 630 nghìn tấn, giảm 23,3% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là Hàn Quốc đạt 262 nghìn tấn, giảm 76%.

#### **4. Một số mặt hàng nhập khẩu chính**

- **Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng:** trị giá nhập khẩu 11 tháng/2015 từ Hàn Quốc tăng mạnh (64,8%) so với cùng kỳ năm trước.

Trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,2 tỷ USD, tăng 1,6% so với tháng trước, nâng trị giá nhập khẩu trong 11 tháng/2015 lên 25,11 tỷ USD, tăng mạnh 24,7% so với 11 tháng/2014. Khối doanh nghiệp FDI nhập khẩu 15,67 tỷ USD, tăng 28,9% trong khi khối doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 9,44 tỷ USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam trong 11 tháng qua với trị giá là 8,17 tỷ USD, tăng 15,7%; tiếp theo là các thị trường: Hàn Quốc: 4,68 tỷ USD, tăng mạnh 64,8%; Nhật Bản: 4,18 tỷ USD, tăng 26,6%; Đài Loan: 1,33 tỷ USD, tăng 4,1%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 2,04 tỷ USD, tăng 1,4% so với tháng trước. Tính trong 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 21,37 tỷ USD, tăng 26,3%; trong đó nhập khẩu của khu vực FDI là 19,64 tỷ USD, tăng 27,5% và nhập khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước là 1,74 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hàn Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam với trị giá nhập khẩu là 6,28 tỷ USD, tăng 35%; tiếp theo là các thị trường: Trung Quốc: 4,78 tỷ USD, tăng 15,2%; Nhật Bản: 2,1 tỷ USD, tăng 23,8%; Đài Loan: hơn 2 tỷ USD, tăng mạnh 59,3%; Singapo: 1,7 tỷ USD, giảm 22%;... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Nhóm hàng nguyên, phụ liệu dệt may, da, giày:** trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong tháng là 1,52 tỷ USD, giảm 4,1% so với tháng trước. Tính đến hết 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 16,82 tỷ USD nhóm hàng này, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, trị giá

vải nhập khẩu là 9,28 tỷ USD, tăng 7,9%; nguyên phụ liệu: 4,63 tỷ USD, tăng 7,8%; bông là 1,52 tỷ USD, tăng 13,7% và xơ sợi: 1,39 tỷ USD, giảm 2,3%.

Trong 11 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu nhóm mặt hàng này chủ yếu từ Trung Quốc với 6,98 tỷ USD, tăng 12,9%; tiếp theo là Hàn Quốc: 2,57 tỷ USD, giảm 1%; Đài Loan: 2,15 tỷ USD, tăng 3,5%... so với cùng kỳ năm trước.

- **Điện thoại các loại và linh kiện:** kim ngạch nhập khẩu trong tháng đạt 830 triệu USD giảm 15,2% so với tháng trước, đưa kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 11 tháng/2015 đạt mốc gần 10 tỷ USD, tăng 28,2% so với cùng kỳ năm 2014.

Việt Nam nhập khẩu nhóm hàng này trong 11 tháng/2015 chủ yếu từ các thị trường: Trung Quốc đạt 6,45 tỷ USD, tăng 11,46%; Hàn Quốc đạt 2,86 tỷ USD, tăng 79,45%...so với cùng kỳ năm 2014.

- **Sắt thép các loại:** lượng nhập khẩu trong tháng 11 ở mức 1,24 triệu tấn giảm 16,1%, với trị giá hơn 523 triệu USD giảm 9,2% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, lượng sắt thép cả nước nhập về là 13,85 triệu tấn, tăng 33% nhưng đơn giá bình quân chỉ đạt 490USD/tấn - mức thấp nhất trong vòng 8 năm qua, giảm 26% nên trị giá là 6,79 tỷ USD, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2014.

Sắt thép các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua từ Trung Quốc là 8,44 triệu tấn, tăng mạnh 58,3% và chiếm 61% tổng lượng sắt thép cả nước nhập về; Nhật Bản: 2,29 triệu tấn, tăng 10,5%; Hàn Quốc: 1,62 triệu tấn, tăng 22,7%; Đài Loan: 1,07 triệu tấn, tăng 3,9%... so với 11 tháng/2014.

- **Sản phẩm từ sắt thép:** trong tháng 11/2015, cả nước nhập khẩu hơn 271 triệu USD, giảm 1,8% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 11/2015, tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước là 3,53 tỷ USD, tăng 25,1% so với cùng kỳ năm 2014.

Trong 11 tháng/2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này từ Trung Quốc với trị giá đạt 1,23 tỷ USD, tăng 32,6%; từ Hàn Quốc là hơn 968 triệu USD tăng 54,65% so với cùng kỳ năm trước,...

- **Chất dẻo nguyên liệu:** lượng nhập khẩu trong tháng 11/2015 là gần 367 nghìn tấn, trị giá đạt 515 triệu USD. Tính đến hết tháng 10/2015, tổng lượng nhập khẩu chất dẻo nguyên liệu của Việt Nam là 3,52 triệu tấn, tăng 12,2%, kim ngạch nhập khẩu là 5,4 tỷ USD, giảm 6,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 11 tháng/ 2015, Việt Nam nhập khẩu mặt hàng này chủ yếu từ các thị trường: Hàn Quốc đạt 663 nghìn tấn, tăng 13,6%; Ả rập Xê út đạt 702 nghìn tấn, tăng 1,55%; Đài Loan đạt 525 nghìn tấn tăng 15,1%; Thái Lan đạt hơn 352 nghìn tấn, tăng 23,7%... so với cùng kỳ năm 2014.

- **Sản phẩm chất dẻo:** trong tháng 11/2015 sản phẩm từ chất dẻo nhập khẩu ở mức 321 triệu USD giảm 2,7% so với tháng trước. Nhập khẩu mặt hàng này đến trong 11 tháng/2015 đạt gần 3,43 tỷ USD tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước.

Việt Nam nhập khẩu mặt hàng sản phẩm chất dẻo từ Hàn Quốc trong 11 tháng/2015 là 1,04 tỷ USD, tăng 32,3 % so với cùng kỳ năm 2014; Trung Quốc là hơn 992 triệu USD, tăng 35,8%; Nhật Bản là hơn 572 triệu USD tăng nhẹ 1,14%,...

- **Xăng dầu các loại:** tháng 11/2015, đơn giá nhập khẩu bình quân nhóm hàng này đạt 454 USD/tấn - mức thấp nhất gần 7 năm qua, giảm 3,8% so với tháng trước. Lượng nhập khẩu là 958 nghìn tấn, cũng suy giảm 3,3% nên trị giá nhập khẩu nhóm hàng này là 449 triệu USD, giảm 7% so với tháng trước.

Tính đến hết 11 tháng/2015, cả nước nhập khẩu 9,04 triệu tấn với trị giá là 4,92 tỷ USD, tăng 16,6% về lượng và giảm 30,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này giảm 2,17 tỷ USD; trong đó do giá giảm lên tới 3,35 tỷ USD.

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 11 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Singapo với 3,45 triệu tấn, tăng 41%; đặc biệt nhập khẩu từ Thái Lan với 2,03 triệu tấn, tăng 186%; Trung Quốc: 1,46 triệu tấn, giảm 6,1%; Đài Loan: 779 nghìn tấn, giảm 33%...so với cùng kỳ năm 2014.

- **Thức ăn gia súc và nguyên liệu:** trong tháng 11/2015, kim ngạch nhập khẩu đạt 234 triệu USD, nâng tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này trong 11 tháng đầu năm đạt 3,05 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ năm 2014.

Tính đến hết tháng 11/2015, nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu từ Ác-hen-tina đạt 1,3 tỷ USD, tăng 8,14%; từ Hoa Kỳ là hơn 400 triệu USD, tăng 6,9%; từ Braxin là hơn 256 triệu USD, tăng 21% so với cùng kỳ 2014.

### **TỔNG QUAN SỐ LIỆU THỐNG KÊ HẢI QUAN VỀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2015**

<b>Stt</b>		<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số sơ bộ</b>
(A)		(B)	(C)
<b>I</b>		<b>Xuất khẩu hàng hoá (XK)</b>	
1	I.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	13.894
2	I.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-2,9
3	I.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 11/2014 (%)	10,3

4	I.4	Tổng kim ngạch xuất khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	148,239
5	I.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	7,9
<b>II</b>		<b>Nhập khẩu hàng hoá (NK)</b>	
6	II.1	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	13.631
7	II.2	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-1,3
8	II.3	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2014 (%)	4,7
9	II.4	Tổng kim ngạch nhập khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	151.109
10	II.5	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	12,7
<b>III</b>		<b>Tổng kim ngạch XNK hàng hoá (XK+NK)</b>	
11	III.1	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	27.525
12	III.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-2,1
13	III.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2014 (%)	7,5
14	III.4	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	299.348
15	III.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	10,3
<b>IV</b>		<b>Cán cân Thương mại hàng hoá (XK-NK)</b>	
16	IV.1	Cán cân thương mại tháng 11/2015 (Triệu USD)	263

17	IV.2	Cán cân thương mại 11 tháng/2015 (Triệu USD)	-2.870
----	------	--	--------

**TỔNG QUAN SỐ LIỆU THỐNG KÊ HẢI QUAN VỀ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2015**

Stt		Chỉ tiêu	Số sơ bộ
(A)		(B)	(C)
I		<b>Xuất khẩu hàng hoá (XK)</b>	
1	I.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	13.894
2	I.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-2,9
3	I.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 11/2014 (%)	10,3
4	I.4	Tổng kim ngạch xuất khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	148,239
5	I.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	7,9
II		<b>Nhập khẩu hàng hoá (NK)</b>	
6	II.1	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	13.631
7	II.2	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-1,3
8	II.3	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2014 (%)	4,7
9	II.4	Tổng kim ngạch nhập khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	151.109
10	II.5	Tăng/giảm kim ngạch nhập khẩu 11 tháng/2015 so với cùng	12,7

		kỳ năm 2014 (%)	
<b>III</b>		<b>Tổng kim ngạch XNK hàng hoá (XK+NK)</b>	
11	III.1	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá tháng 11/2015 (Triệu USD)	27.525
12	III.2	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2015 (%)	-2,1
13	III.3	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu của tháng 11/2015 so với tháng 10/2014 (%)	7,5
14	III.4	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 11 tháng/2015 (Triệu USD)	299.348
15	III.5	Tăng/giảm kim ngạch xuất nhập khẩu 11 tháng/2015 so với cùng kỳ năm 2014 (%)	10,3
<b>IV</b>		<b>Cán cân Thương mại hàng hoá (XK-NK)</b>	
16	IV.1	Cán cân thương mại tháng 11/2015 (Triệu USD)	263
17	IV.2	Cán cân thương mại 11 tháng/2015 (Triệu USD)	-2.870